

## THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

# CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 42 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2017)

## THỜI CƠ CỦA CHIẾN THẮNG 30/4/1975 VÀ BÀI HỌC CHO HÔM NAY

**C**ùng với binh lực, chiến lược, chiến thuật, vấn đề thời cơ luôn là một trong những yếu tố quan trọng. Tận dụng tốt yếu tố thời cơ sẽ góp phần tiết kiệm nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ của cuộc chiến đấu, giành thắng lợi cuối cùng. Ngược lại tận dụng không tốt yếu tố thời cơ sẽ khiến cho các nguồn lực bị tiêu hao gấp nhiều lần, cơ hội giành chiến thắng cuối cùng, có ý nghĩa quyết định cũng vì thế mà bị bỏ lỡ.



*Tháng 4/1975, Quân ủy trung ương theo dõi diễn biến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.*

Thời cơ trong các cuộc cách mạng đến từ nhiều cách khác nhau, nó có thể xuất hiện do những yếu tố khách quan và chủ quan. Thời cơ trong chiến thắng 30-4-1975 không hoàn toàn đến từ những yếu tố khách quan, cũng không hoàn toàn đến từ những yếu tố chủ quan.

### **Thời cơ của chiến thắng 30-4-1975 - sự cộng hưởng của nhiều nhân tố**

*Đế quốc Mỹ - dấu chấm hết cho một cuộc chiến tranh phi nghĩa*

Sự can thiệp quân sự của Mỹ vào Việt Nam đã gieo rắc vô vàn tội ác lên đất nước và con người Việt Nam. Trong khi những tên đầu sỏ đế quốc vẫn không ngừng bưng bít, lừa dối dư luận trong nước thì Quốc hội và nhân dân tiến bộ Mỹ thông qua các phương tiện thông tin đại chúng với những bản tin liên tục của các phóng viên chiến trường Việt Nam thực hiện đã hiểu ra sự thật của cuộc chiến tranh mà Mỹ đang tiến hành ở Việt Nam là hoàn toàn phi nghĩa. Những bản tin như vậy đã làm nên một

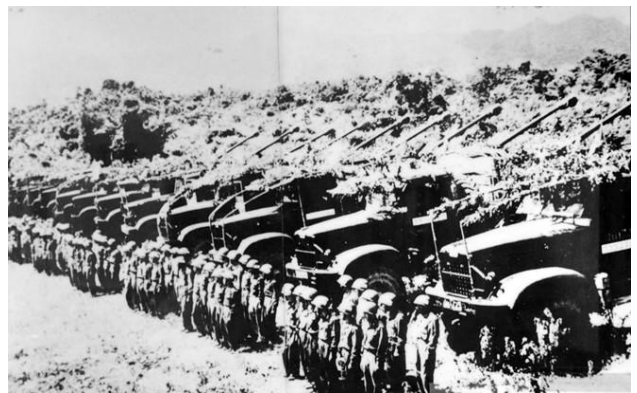
cuộc chiến tranh thứ hai ngay trong lòng nước Mỹ, cuộc chiến ấy lan rộng tới từng gia đình người Mỹ gây nên những ám ảnh không nguôi về sự chết chóc, hiểm nguy, bom đạn, đổ nát. Các phong trào phản chiến được bắt đầu từ những năm 1960 và có dịp bùng phát mạnh mẽ với các cuộc tuần hành, biểu tình ở khắp mọi nơi như: hành động tự thiêu của No-man mo-ri-xơn trước Lầu năm góc để phản đối chiến tranh Việt Nam vào tháng 11-1965, cuộc tuần hành của 250 nghìn người nổ ra ở đại lộ số 5 trung tâm Niu-oóc vào tháng 11-1969,...

Sự phản đối của Quốc hội và nhân dân trong nước cùng với những thất bại thảm hại trên chiến trường như Tết Mậu thân 1968, Khe Sanh, Đường 9 Nam Lào đã buộc Mỹ phải xuống thang từng bước và cuối cùng là đi đến ký kết Hiệp định Pa-ri 27-01-1973 chấm dứt sự dính líu quân sự ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên phải đến khi Mác-tin - vị đại sứ cuối cùng của Mỹ ở miền Nam Việt Nam cuốn cờ rời khỏi Sài Gòn trong chiến dịch di tản khẩn cấp mang tên “cơn lốc” vào lúc 8 giờ ngày 30-4-1975 thì sự dính líu, can thiệp của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam mới chấm dứt hoàn toàn.

Sau khi Hiệp định Pa-ri được ký kết, chính quyền Mỹ đứng đầu là Tổng thống Ních-xơn vẫn cam kết những khoản hỗ trợ hàng trăm triệu đô la và các hành động đáp trả bằng không quân đối với bất cứ một hành động nào gây hấn với chính quyền Sài Gòn. Chúng ta có thể thấy được điều đó trong một bức thư mà Tổng thống Việt Nam cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu gửi cho tổng thống Mỹ Giê-rôn Pho sau khi chúng ta tấn công Đà Nẵng: “Ý định của Hà Nội là sử dụng Hiệp định Pa-ri để chiếm miền Nam Việt Nam bằng quân sự là điều

chúng tôi đã biết rõ trong suốt quá trình đàm phán về Hiệp định Pa-ri... Sau đó chúng tôi được hứa một cách chắc chắn rằng Mỹ sẽ trả đũa một cách nhanh chóng và mạnh mẽ đối với bất kỳ sự vi phạm nào về Hiệp định... Chúng tôi coi những lời hứa đó là sự bảo đảm quan trọng nhất đối với Hiệp định Pa-ri, những lời hứa đó giờ đây trở nên những lời hứa quan trọng nhất đối với sự sống còn của chúng tôi”. Thế nhưng những sự kiện chính biến như vụ Oa-tơ-ghết dẫn tới sự ra đi của tổng thống Ních-xơn, thắng lợi tuyệt đối của phe Dân chủ trong cuộc bầu cử Quốc Hội tháng 11-1974 đã làm thay đổi tất cả và cuối cùng trong một bài nói chuyện tại Trường Đại học Tunale vào ngày 23-4-1975, tổng thống Giê-rôn Pho đã nêu rõ: “Mỹ có thể lấy lại được niềm tự hào từng tồn tại trước Việt Nam. Nhưng niềm tự hào đó không thể đạt được bằng việc lại đánh nhau trong một cuộc chiến mà đối với người Mỹ nó đã kết thúc”.

*Ngụy quyền Sài Gòn - hoảng loạn và sụp đổ*



**Bộ đội pháo binh của ta trước giờ xuất kích**

Chính quyền Việt Nam Cộng hòa (ngụy quyền Sài Gòn) được Mỹ dựng lên sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết để chống phá cách mạng Việt Nam với tổng thống đầu tiên là Ngô Đình Diệm và cuối cùng là Dương Văn Minh. Sự tồn tại của Việt Nam Cộng hòa

là nhờ vào viện trợ về đồ la và vũ khí của Mỹ.

Quả thực với những diễn biến trong mùa khô năm 1974, chính quyền Sài Gòn đã bộc lộ những yếu kém của họ, trên chiến trường là những thất bại quân sự liên tiếp với các cuộc đầu hàng nhanh chóng hoặc rút chạy không kiểm soát. Ngay tại Sài Gòn là những cuộc tranh luận vô bổ và không đi đến đâu của các tướng lĩnh. Sau thất bại trong trận chiến Phước Long rồi đến Ban Mê Thuột, Huế, Đà Nẵng và đặc biệt là thất bại chóng vánh ở Xuân Lộc - nơi được coi là cánh cửa thép trấn giữ Sài Gòn, đội quân gần 1 triệu lính của Việt Nam Cộng hòa đã thực sự tan rã với những cuộc rút chạy hàng loạt về Sài Gòn. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã từ chức để cao chạy xa bay, thay vào đó là ông già lòm khòm Trần Văn Hương - một người không làm nổi việc gì đến nỗi sau một thời gian cực ngắn làm tổng thống đã phải nhường ghế cho Dương Văn Minh. Có thể nói trong những ngày cuối cùng trước cuộc tổng tiến công mùa Xuân năm 1975, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã hoang mang rệu rã đến cực điểm và gần như không còn khả năng kháng cự.

*Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam - những đòn đánh chiến lược mang tính bước ngoặt của cuộc kháng chiến*

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng miền Nam, Đảng ta đã kiên trì phương pháp bạo lực cách mạng. Đối phó với một kẻ thù lớn mạnh bậc nhất thế giới lúc bấy giờ là đế quốc Mỹ, Đảng ta chủ trương một chiến lược cách mạng mà ở đó có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nghệ thuật tác chiến và nghệ thuật chỉ đạo chiến lược. Để có thể tạo ra được thời cơ có lợi cho việc kết

thúc cuộc chiến, Đảng ta và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã chủ động tiến hành nhiều cuộc tiến công với nhiều quy mô và mục tiêu chiến lược khác nhau, trong đó phải kể đến Chiến dịch Ấp Bắc 1965 (thử nghiệm khả năng tác chiến trực diện lần đầu tiên của quân đội ta với lính Mỹ); Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu thân 1968 (tạo thế và lực trên mặt trận chính trị, ngoại giao); Chiến dịch Phước Long tháng 12-1974 (thử phản ứng của Mỹ sau Hiệp định Paris)...

Các chiến thắng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hoạch định kế hoạch và đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam, đúng như Đại tướng Văn Tiến Dũng đã viết: “Tin quân ta đã chiếm được hoàn toàn thị xã Phước Long đến giữa lúc chúng tôi đang họp. Mọi người phấn khởi đứng cả dậy bắt tay nhau chúc mừng thắng lợi... Điều này có ý nghĩa lớn thể hiện rõ năng lực chiến đấu của quân đội ta và sự yếu kém của quân đội địch. Một chương sử mới đã mở ra”. Đây là một điểm hết sức đáng chú ý bởi cho đến trước khi chiến dịch giải phóng Phước Long nổ ra, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã họp để thảo luận xem liệu rằng chiến tranh đã đến giai đoạn cuối cùng hay chưa và vấn đề mà nhiều người quan tâm là “một khi các cuộc tấn công quy mô lớn của chúng ta đẩy quân đội Sài Gòn đến nguy cơ sụp đổ, liệu Mỹ có thể đưa quân trở lại Việt Nam hay không?” Với trận Phước Long thì câu trả lời đã rất rõ ràng: Mỹ không trở lại.

Sự thắng lợi về nhiều mặt của các chiến dịch quân sự trong đó tiêu biểu là 3 chiến dịch nêu trên đây đã góp phần tạo nên thời cơ chiến lược vô cùng quan trọng và có ý nghĩa lịch sử cho việc đi

tới chiến thắng cuối cùng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

### **Thời cơ của chiến thắng 30-4-1975 và bài học cho hôm nay**



**Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng và các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước trên lễ đài ngày 30/4/1975**

Với sự kết hợp của nhiều nhân tố cả về phía ta và phía địch, thời cơ cho cuộc tổng tấn công giải phóng Sài Gòn đã xuất hiện. Cùng với những diễn biến có lợi do yếu tố thời cơ mang lại, Đảng ta đã có sự chỉ đạo chiến lược kịp thời.

Trước những diễn biến mới của tình hình chính trị nước Mỹ và sự suy yếu của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, Bộ Chính trị đã họp tháng 10-1974 và tháng 01-1975 quyết định mục tiêu giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975 - 1976, và dự kiến nếu thời cơ đến sớm sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Tận dụng thời cơ chiến lược quan trọng đến từ chiến thắng Phước Long và chiến thắng Ban Mê Thuột; Bộ Chính trị họp ngày 25-3-1975 nêu nhiệm vụ cụ thể giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa, đến cuộc họp ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị đã nhận định, thời cơ chiến lược tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã hoàn toàn chín muồi. Cần có quyết tâm lớn hoàn thành trận quyết định chiến lược cuối cùng tốt nhất trong tháng 4-1975. Bộ Chính trị Trung

ương Đảng đã quyết định thành lập Bộ chỉ huy và Đảng ủy Mặt trận Sài Gòn do tập thể các ủy viên Bộ Chính trị tại chiến trường (Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng) lãnh đạo, chỉ đạo. Đại tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng, trực tiếp làm Tư lệnh Bộ Chỉ huy chiến dịch. Đồng chí Phạm Hùng làm Chính ủy. Trước đó, ngày 25-3-1975, Hội đồng chi viện chiến trường đã được thành lập, do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch. Bộ Chính trị cũng đã quyết định tiến hành chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh (từ ngày 09 đến ngày 30-4-1975).

Sự chuẩn bị khẩn trương để chớp thời cơ của Đảng ta đã góp phần tạo nên thắng lợi rực rỡ, có ý nghĩa lịch sử, giành độc lập toàn vẹn cho Tổ quốc, đưa đất nước bước vào một trang sử mới.

Trong giai đoạn hiện nay, khi đất nước ta đang hội nhập sâu rộng quốc tế, khi tình hình an ninh, chính trị trong khu vực đang có những diễn biến phức tạp nhất là những tranh chấp liên quan đến vấn đề chủ quyền lãnh thổ, sự cạnh tranh ảnh hưởng của một số nước lớn ở nhiều khu vực đang diễn ra khá mạnh mẽ thì vấn đề thời cơ của chiến thắng 30-4-1975 vẫn còn nhiều giá trị lịch sử và bài học sâu sắc.

*Thứ nhất*, đó là bài học về tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi từ tình hình chính trị, an ninh thế giới, các phong trào đấu tranh đòi hòa bình của nhân loại tiến bộ để tạo thêm nguồn sức mạnh đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sớm đạt mục tiêu trở thành nước công nghiệp hiện đại vào giữa thế kỷ này.

*Thứ hai*, kiên định sự lãnh đạo của Đảng, chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt, nâng cao năng lực lãnh đạo, bản lĩnh trí tuệ, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên để Đảng đủ sức lãnh đạo nhân dân ta trong giai đoạn lịch sử mới vì mục tiêu “dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

*Thứ ba*, phát huy ý chí tự lực tự cường, truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng của các tầng lớp nhân dân và của toàn dân tộc tạo thế và lực mới cho quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*Thứ tư*, giữ mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, trong quá trình hoạch định đường lối và lãnh đạo cách mạng, lợi ích của Đảng phải được thể hiện trong mối tương quan mật thiết với lợi ích của nhân dân. Chúng ta đừng quên hình ảnh phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân ở những nơi đô thị lớn tạo thế phối hợp với các cuộc tiến quân của lực lượng vũ trang, hình ảnh những người dân phấn khởi đi theo xe dẫn đường cho các đội quân tiến tới

sào huyệt cuối cùng của chính quyền Sài Gòn... Những ví dụ đó là bằng chứng sáng ngời về sức mạnh của khối đoàn kết Đảng - Dân được xây dựng trên nền tảng vững chắc của một lợi ích chung được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hơn bốn mươi năm đã trôi qua nhưng rất nhiều bài học được rút ra từ cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, trong đó có bài học về tạo thời cơ và chớp thời cơ. Bài học ấy đã, đang và sẽ tiếp tục là sức mạnh, là khởi nguồn cho những thành tựu to lớn hơn của cả dân tộc trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay và mai sau./.

-----  
*Tài liệu tham khảo*

1. Larry Berman, *Điện viên hoàn hảo*, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2012

2. Văn Tiến Dũng, *Đại thắng Mùa Xuân*, 5-1976

**Ngô Hà Trường Sơn, Võ Thị Phiến  
(Học viện Chính trị khu vực IV) //**  
<http://www.tapchicongsan.org.vn>

## **ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 - SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC**

**T**hắng lợi oanh liệt của Đại thắng mùa Xuân 1975 là kết quả tất yếu của một quá trình đấu tranh liên tục trong hơn 100 năm chống thực dân, đế quốc, giải phóng đất nước, giành độc lập, tự do cho dân tộc, thống nhất Tổ quốc; đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc ta, kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh lâu dài, gian

khổ chống ngoại xâm của dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong.

Đánh giá tổng quát ý nghĩa thắng lợi của Đại thắng mùa Xuân năm 1975 và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân

dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ 20, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.



**Tại Biên Hòa (Đồng Nai) diễn ra Lễ bàn giao cờ chiến thắng cho Đại đội 2 (hai lần Anh hùng) thuộc Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 3, Sư đoàn 304, Quân đoàn 2 trước khi bước vào Chiến dịch Giải phóng Sài Gòn. Ảnh tư liệu**

Trên một khía cạnh khác của vấn đề, cả lý luận và thực tiễn cho thấy, Đại thắng mùa Xuân 1975 là biểu hiện sinh động nhất, tập trung nhất sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc trong một khối thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến lâu dài, đầy hy sinh gian khổ của toàn dân tộc chống kẻ thù xâm lược. Đó còn là sự tiếp nối truyền thống yêu nước nồng nàn, sức mạnh đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong công cuộc chinh phục thiên nhiên và chiến thắng kẻ thù xâm lược để tồn tại và phát triển.

Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, sau khi Bộ Chính trị có nghị quyết về giải phóng miền Nam trong năm 1975, toàn

Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã tập trung lực lượng, đẩy mạnh công tác chuẩn bị trên mọi mặt với quy mô to lớn và nhịp độ đặc biệt khẩn trương để giành thắng lợi. Cả nước bừng bừng khí thế ra trận với quyết tâm: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”.

Các quân khu, các địa phương, các cấp bộ Đảng và chính quyền trong cả nước dành ưu tiên số một cho mọi nhu cầu của chiến trường. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta dốc sức, biến quyết tâm chiến lược mới của Bộ Chính trị thành hiện thực.

Từ đầu tháng 4-1975, trên tất cả các hướng và trục giao thông, các loại phương tiện đã được huy động vào công tác vận chuyển lực lượng, vũ khí, khí tài, nhu cầu vật chất cho chiến dịch. Toàn quân, toàn dân ta dồn sức trong những ngày đầy sôi động, khẩn trương, với tinh thần “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Hậu phương lớn tổng động viên nhân tài, vật lực chi viện cho tiền tuyến lớn; toàn bộ lực lượng vận tải trên miền Bắc đều được huy động trong một chiến dịch chi viện lớn nhất. Đồng chí Phan Trọng Tuệ, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Phó chủ tịch Hội đồng chi viện miền Nam ngày đêm lo lắng cùng các ngành, các địa phương điều động hàng chục nghìn xe vận tải, hàng trăm toa xe lửa, hơn 30 tàu biển, hàng trăm lần chiếc máy bay vận tải, đưa cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kỹ thuật cùng hàng vạn tấn vũ khí, phương tiện vào chiến trường.

Nhiều công trường nhà máy, cơ quan rút bớt 30-50% số người trong biên chế để phục vụ chiến dịch. Toàn bộ lực lượng vận tải quân sự gồm 12 vạn người, 6.300 xe vận tải của Đoàn Vận

tải Trường Sơn, 2.100 xe của Cục Vận tải và hàng trăm xe của các quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng được tập trung vận chuyển cho chiến dịch.

Đồng bào các dân tộc Tây Bắc, Việt Bắc đề nghị với Trung ương xin dừng kế hoạch vận chuyển gạo, muối về địa phương mình, dành cả đoàn xe với các thứ hàng quý đó quay vào Nam Bộ cho kịp kế hoạch tổng tiến công.

Từ Ga Hàng Cỏ (Hà Nội), các đoàn tàu hỏa chở đầy bộ đội và vũ khí đạn dược chạy thẳng vào Vinh (Nghệ An). Từ đây, bằng các phương tiện ô tô, tàu thủy, người và súng đạn được chuyển tiếp vào miền Đông Nam Bộ. Các cảng sông, cảng biển ở miền Bắc khẩn trương nhận nhíp. Tàu thuyền của hải quân, của ngành giao thông vận tải liên tục chở xe tăng, pháo lớn và bộ đội vào các cảng Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cam Ranh..., từ đó cơ động tiếp bằng đường bộ theo đường số 1 vào Long Khánh, đến khu vực tập kết của Đoàn 814 hậu cần Miền ở khu vực Dầu Dây-Túc Trưng.

Từ các sân bay trên miền Bắc, các loại máy bay vận tải, máy bay lên thẳng, kể cả một số máy bay chở khách cũng được huy động chở quân, chở đạn, chở sách báo, phim ảnh vào Mặt trận Sài Gòn-Gia Định và các vùng mới giải phóng.

Trong các đoàn xe tiến về phía Nam còn có gần 500 xe vận tải, xe chở khách của tư nhân ở các vùng mới giải phóng. Nhân dân vùng mới giải phóng ủng hộ hết mình. Chỉ cần một mảnh giấy có chữ ký và con dấu đỏ của Ủy ban Quân quản là có thể huy động được hàng chục, hàng trăm xe tải và cả lái xe

chuyển bộ đội, vũ khí, đạn dược ra phía trước.

Phát huy sức mạnh tổng hợp, kết hợp đòn quân sự và đòn nổi dậy; kết hợp ba thứ quân, lấy tác chiến hiệp đồng quân binh chủng của chủ lực làm chủ yếu; chuẩn bị tốt để đánh chắc thắng, ta đã nắm vững cả quy luật của chiến tranh cách mạng và quy luật của khởi nghĩa vũ trang, thực hiện phương châm chiến lược tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công bằng sức mạnh tổng hợp của hai lực lượng, của ba thứ quân, trên cả ba vùng chiến lược. Với nỗ lực trên, ta đã tạo được thế trận của chiến dịch với hai lực lượng, ba thứ quân, thực hiện hai đòn chiến lược tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng.



**Tấn công sân bay Tân Sơn Nhất. Ảnh tư liệu**

Ta đã ra sức chuẩn bị lực lượng chính trị và đòn nổi dậy của quần chúng. Trung ương Cục phân công đồng chí Nguyễn Văn Linh trực tiếp phụ trách mũi nổi dậy. Lực lượng chính trị có tổ chức của thành phố Sài Gòn với hơn 40.000 người, với 400 đảng viên, hơn 300 đoàn viên. Lực lượng quần chúng có tổ chức được chuẩn bị, đã tăng cường vào vùng ven và nội thành 1.700 cán bộ; LLVT tại chỗ cũng rất hùng hậu.

Thắng lợi oanh liệt của Đại thắng mùa Xuân 1975 là kết quả tất yếu của một quá trình đấu tranh liên tục trong hơn 100 năm chống thực dân, đế quốc, giải phóng đất nước, giành độc lập, tự do cho dân tộc, thống nhất Tổ quốc; đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc ta, kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm chiến tranh lâu dài, gian khổ chống ngoại xâm của dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong.

Là chiến dịch tiến công hiệp đồng quân binh chủng lớn nhất, phương thức tác chiến phong phú nhất trong 20 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chiến dịch Hồ Chí Minh đã huy động các lực lượng chính trị, vũ trang tại chỗ và hầu hết lực lượng cơ động chiến lược của cả nước tham gia, tạo thành ưu thế áp đảo địch. Chiến dịch diễn ra trên cơ sở một thế trận có lợi được tạo

ra từ trước, đã hình thành thế bao vây chia cắt chiến dịch, chiến lược, bố trí lực lượng áp sát mục tiêu chủ yếu của chiến dịch, thế đứng chân của lực lượng tại chỗ rất hiểm, quân chúng đã được chuẩn bị một bước, vật chất bảo đảm đủ theo yêu cầu.

Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đã khẳng định vai trò vĩ đại của nhân dân, khẳng định tinh thần và sức mạnh đoàn kết thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, là nhân tố quan trọng bậc nhất quyết định sự toàn thắng của cuộc kháng chiến chống xâm lược trường kỳ, gian khổ, cũng như mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Nguyễn Thành Hữu /  
<http://www.qdnd.vn>

## CÁC TRẬN ĐÁNH THEN CHÓT, XUẤT HIỆN THỜI CƠ CHO CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH TOÀN THẮNG

**M**ùa Xuân 1975 cùng với thắng lợi to lớn của các chiến dịch, thời cơ lớn xuất hiện; toàn quân, toàn dân ta đi đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

*LTS: Trải qua hơn một tháng liên tục Tổng tiến công và nổi dậy, với các Chiến dịch lớn: Tây Nguyên, Trị-Thiên-Hué, Đà Nẵng và Chiến dịch Xuân Lộc giành thắng lợi to lớn, đã tạo ra thế và lực mới cho quân và dân ta mở Chiến dịch Hồ Chí Minh để kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.*

*Trong bài viết này, Đại tá Đặng Việt Thủy kể lại tình tiết trong các trận đánh then chốt để xuất hiện thời cơ cho Chiến dịch Hồ Chí Minh đi đến thắng lợi, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam.*

Mùa xuân năm 1975, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, quân và dân ta đã giành được thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bằng cuộc Tổng



tiến công và nổi dậy long trời lở đất, quét sạch chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là thắng lợi vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử quan trọng và tầm vóc thời đại sâu sắc.

Để thấy rõ sự kiện lịch sử trọng đại này, chúng ta cùng điểm lại đôi nét về các trận đánh then chốt chiến dịch, xuất hiện thời cơ cho chiến dịch Hồ Chí Minh, kết thúc bằng năm cánh quân tiến vào giải phóng Sài Gòn.

### **1. Các trận quyết chiến chiến lược trong chiến dịch Tây Nguyên (tháng 3 năm 1975)**

Ngày 6/1/1975, tin chiến thắng Phước Long làm nức lòng quân và dân cả nước ta. Lúc này, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng bắt đầu từ ngày 18/12/1974 cũng đến thời điểm kết thúc.

Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chọn Tây Nguyên là hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, vì vậy Mỹ ngụy đã biến nơi đây thành một căn cứ chiến lược lớn hòng đề bẹp phong trào cách mạng của ba nước Đông Dương, ngăn chặn sự chi viện của ta từ miền Bắc vào và từ rừng núi xuống đồng bằng.

Sở chỉ huy quân đoàn 2, quân khu 2 ngụy được đặt ở Pleiku. Dọc theo biên giới Việt Nam - Campuchia là các trại biệt kích, dọc theo đường 14 là hệ thống các căn cứ quân sự dày đặc.

Trong đó có các căn cứ cấp sư đoàn và quân đoàn được tổ chức vững chắc thành tuyến phòng ngự cơ bản làm

nòng cốt cho hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên.



*Trận nghi binh kỳ thú mở màn Chiến dịch Tây Nguyên 1975 (Ảnh: infonet.vn)*

Sau khi hạ quyết tâm mở chiến dịch Tây Nguyên, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã quyết định thành lập Đảng ủy và Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên do Trung tướng Hoàng Minh Thảo làm Tư lệnh, Đại tá Đặng Vũ Hiệp làm Chính ủy, Bí thư Đảng ủy chiến dịch [1].

Lực lượng tham gia chiến dịch gồm các sư đoàn bộ binh 10, 320, 316, 3 và 968; bốn trung đoàn bộ binh (25, 29B, 271, 95A), Trung đoàn đặc công 198, hai tiểu đoàn đặc công 14, 27, hai trung đoàn pháo binh 40, 675, ba trung đoàn phòng không 232, 234, 593, Trung đoàn xe tăng thiết giáp 273, hai trung đoàn công binh 7, 575, Trung đoàn thông tin 29, trung đoàn ô tô vận tải và lực lượng vũ trang các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai và Kon Tum.

Bộ tư lệnh chiến dịch Tây Nguyên xác định quyết tâm và kế hoạch chiến dịch như sau: hướng và khu vực tác chiến chủ yếu là Buôn Ma Thuột – Đức Lập, mục tiêu chủ yếu quyết định là thị xã Buôn Ma Thuột.

Ngày 4/3/1975, chiến dịch Tây Nguyên chính thức bắt đầu.

Từ ngày 4-9/3, ta tổ chức nghi binh, tạo thế, triển khai lực lượng, chia cắt chiến dịch, tạo điều kiện đánh Buôn Ma Thuột [2].

Ngày 10-11/3, ta tiến công thị xã Buôn Ma Thuột, thực hiện thắng lợi trận then chốt thứ nhất, bắt sống toàn bộ chỉ huy của địch [3].

Từ ngày 14-18/3: đánh bại đợt phản đột kích của sư đoàn 23 ngụy, thực hiện thành công trận then chốt thứ hai [4].

Từ ngày 17-24/3, ta đánh trận then chốt thứ ba, tiêu diệt quân địch rút chạy trên đường [5].

Ngày 24/3, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch mở đầu cuộc tiến công chiến lược năm 1975 giành thắng lợi rực rỡ, tạo ra một bước ngoặt quyết định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta.

## **2. Chiến dịch Trị Thiên - Huế và chiến dịch Đà Nẵng:**

*Chiến dịch Trị Thiên - Huế (từ ngày 5 đến 26/3/1975):*

Trước cuộc Tổng tiến công chiến lược Xuân 1975 của ta, quân khu 1 của địch bao gồm các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Tín và Quảng Ngãi được coi là chiến trường trọng điểm, một hướng phòng thủ chủ yếu, ngăn chặn trực tiếp tiến công của ta từ miền Bắc vào.

Chúng bố trí ở đây 5 sư đoàn bộ binh (1, 2, 3, sư dù và sư thủy quân lục chiến), 4 liên đoàn biệt động quân, 5 thiết đoàn và 13 chi đội xe tăng, xe thiết giáp, 21 tiểu đoàn pháo mặt đất (418

khẩu từ 105 -175mm, 1 sư đoàn không quân (96 chiếc máy bay), 3 duyên đoàn và giang đoàn, nhiều tiểu đoàn bảo an...[6]



**Chiến dịch Trị Thiên - Huế (Ảnh: hanoimoi.com.vn)**

Về phía ta, trong lúc chiến dịch Tây Nguyên tập trung đánh địch, thì Quân khu Trị Thiên, Quân đoàn 2 và Quân khu 5 mở chiến dịch, đánh địch ở đầu phía Bắc thuộc quân đoàn 1, quân khu 1 ngụy.

Bộ Tổng Tư lệnh và Bộ Tổng Tham mưu trực tiếp chỉ đạo Quân đoàn 2 trong quá trình thực hiện chiến dịch. Từ ngày 5/3, chiến dịch Trị Thiên - Huế bắt đầu.

Các lực lượng vũ trang Quân khu Trị - Thiên và một số bộ phận của Quân đoàn 2 hoạt động mạnh ở vùng Phú Lộc, Phú Thứ, giải phóng trên 30.000 dân thuộc các vùng Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà; vây địch ở cao điểm 367, đánh địch ở động Ông Do, An Lỗ, Lăng Cô; chiếm cứ điểm Chúc Mao, La Sơn.

Ngày 19/3, bộ binh và xe tăng ta vượt sông Thạch Hãn, giải phóng thị xã và phần còn lại của tỉnh Quảng Trị, uy hiếp trực tiếp thành phố Huế.

Trên hướng Tây Nam Đà Nẵng và đồng bằng Trung Bộ, Quân khu 5 đẩy mạnh tấn công và nổi dậy, giải phóng các huyện Tiên Phước, Phước Lâm, Sơn Hà, Trà Bồng cùng nhiều xã ở vùng giáp ranh, uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh, Quân khu Trị - Thiên, Quân đoàn 2, Quân khu 5 đã nhanh chóng tranh thủ thời cơ, dốc toàn lực giải phóng Thừa Thiên - Huế bằng cuộc tiến công tổng hợp, toàn diện.

Đến ngày 26/3, ta đã giải phóng toàn bộ Thừa Thiên - Huế. Thắng lợi của chiến dịch Trị Thiên - Huế đẩy quân ngụy suy sụp nhanh về tinh thần và tổ chức, tạo thế cho ta phát triển tiến công giải phóng Đà Nẵng [7].

Từ đầu tháng 3, Quân khu 5 mở Chiến dịch Nam – Ngãi. Đến ngày 26/3, ta đã tiêu diệt và đánh tan sư đoàn 2, hai liên đoàn biệt động quân, các đơn vị thiết giáp, pháo binh, cùng lực lượng địa phương quân của địch, giải phóng tỉnh Quảng Ngãi và phần lớn tỉnh Quảng Nam [8].

*Chiến dịch Đà Nẵng (từ ngày 28 đến 29/3/1975):*

Bị mất Trị Thiên - Huế, Quảng Ngãi và phần lớn tỉnh Quảng Nam, căn cứ quân sự liên hợp hiện đại và mạnh vào bậc nhất của địch hoàn toàn bị cô lập.

Lúc này, lực lượng địch ở Đà Nẵng khoảng hơn 7 vạn tên, vũ khí trang bị còn mạnh, nòng cốt là sư đoàn 3 và sư đoàn lính thủy đánh bộ, do trung tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh quân đoàn 1 ngụy chỉ huy.

Ngày 25/3, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Đảng

ủy và Bộ tư lệnh chiến dịch Đà Nẵng, lấy tên là Mặt trận 475, do đồng chí Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh, đồng chí Chu Huy Mân làm Chính ủy và quyết định đánh Đà Nẵng theo phương án địch rút chạy.

Sáng ngày 28/3, pháo lớn của Quân đoàn 2 ở đèo Mũi Trâu bắn vào sân bay Nước Mặn và bán đảo Sơn Trà. Pháo của Quân khu 5 bắn vào Hòn Bàng, Trà Kiệu, Vĩnh Điện.

Bộ binh, xe tăng ta từ ba hướng Bắc, Tây Nam và Nam tiến công mạnh mẽ quân địch trên đường, thần tốc tiến về hướng Đà Nẵng.

Hướng Tây Bắc, Nam và Đông Nam, hướng Đông, quân ta đều anh dũng chiến đấu, đánh chiếm các mục tiêu và căn cứ của địch.

Kết quả chiến dịch, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 90.000 tên; tiêu diệt ba sư đoàn bộ binh; sư đoàn thủy quân lục chiến, bốn liên đoàn biệt động quân, đập tan hệ thống phòng thủ của quân đoàn 1, quân khu 1 ngụy...

Chiến dịch Trị Thiên - Huế và chiến dịch Đà Nẵng đại thắng có ý nghĩa chiến lược hết sức quan trọng cùng với thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên, góp phần làm thay đổi thế và lực trên chiến trường, tạo ra sự nhẩy vọt về cục diện chiến trường hoàn toàn có lợi cho ta, trực tiếp đập tan ý định co cụm chiến lược của địch, tạo điều kiện và thời cơ thuận lợi để ta đẩy mạnh cuộc tổng tiến công chiến lược, tập trung lực lượng cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng tại sào huyệt địch ở Sài Gòn [9].

**3. Trận Xuân Lộc – mở “cánh cửa sắt” cho cánh quân phía đông (từ ngày 9 – 21/4/1975):**

Đà Nẵng thất thủ, Mỹ ngụy vội vã tổ chức tuyến phòng thủ mới, kéo dài từ Phan Rang qua Xuân Lộc đến Tây Ninh.

Trong đó Xuân Lộc, một thị xã thuộc tỉnh Long Khánh, cách Sài Gòn 60km về phía Đông Bắc là điểm trọng tâm, nhằm ngăn chặn quân ta tiến theo đường số 1 và đường 20 đánh vào Biên Hòa và Sài Gòn.

Tướng Mỹ Uay-oen nói với Nguyễn Văn Thiệu và các tướng ngụy "*phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn*" [10]. Do vậy, địch đã tập trung một lực lượng lớn phòng thủ.

Ngày 2/4, Bộ tư lệnh Miền đã quyết định mở cuộc tiến công giải phóng Xuân Lộc. Nhiệm vụ tiến công Xuân Lộc được giao cho Quân đoàn 4, được phối thuộc Sư đoàn bộ binh số 6, hai tiểu đoàn xe tăng và hai tiểu đoàn bộ đội địa phương.

Đồng chí Hoàng Cầm được giao làm tư lệnh chiến dịch, đồng chí Bí thư khu ủy Khu 7 làm Chính ủy. Tham gia Đảng ủy và Bộ tư lệnh chiến dịch còn có các đồng chí trong Bộ tư lệnh Quân đoàn 4, Tư lệnh, Chính ủy Quân khu 7.

Bộ tư lệnh chiến dịch quyết định tiến công thị xã Xuân Lộc theo phương án: Tập trung hai sư đoàn tiêu diệt sư đoàn 18 ngụy, giải phóng chi khu Xuân Lộc và từ ngã ba Dầu Giây đến núi Chứa Chan.

Một sư đoàn bao vây chia cắt địch ở Gia Kiệm, Túc Trưng tạo điều kiện diệt quân ứng cứu của địch, nắm thời cơ tiến công giải phóng chi khu Gia Kiệm, Dầu Giây, lộ 20.

Chiến dịch diễn ra vô cùng ác liệt. Kết quả, ta đã đánh thiệt hại nặng sư đoàn 18, lữ đoàn dù 1, tiêu diệt chiến đoàn 52 (sư đoàn 18), đánh thiệt hại nặng trung đoàn 5 và lữ đoàn 3 thiết giáp, diệt hàng nghìn tên, bắt 2.785 tên địch, thu 48 ô tô, 1.499 súng các loại, phá hủy 42 xe tăng, xe thiết giáp, 16 ô tô.

Ngày 21/4, thị xã Xuân Lộc và toàn tỉnh Long Khánh được giải phóng. Thắng lợi của chiến dịch đã tạo ra một địa bàn tập kết thuận lợi cho các binh đoàn chủ lực tiến công vào Sài Gòn từ hướng Đông, một thế trận mới rất có lợi cho chiến dịch Hồ Chí Minh [11].

Sau các trận đánh lịch sử hơn ba mươi năm và đến mùa Xuân 1975 sự thắng lợi to lớn của các chiến dịch đã kể trên, cục diện chiến trường đã thay đổi, thời cơ lớn xuất hiện; toàn quân, toàn dân ta đi đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mở ra một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

-----  
Tài liệu tham khảo:

[1] "*Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-1945)*", NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, trang 723.

[10] "*Tổng kết những trận đánh then chốt chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*", NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011, trang 1024-1025.

[2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], [11] "*Năm 1975 - những sự kiện lịch sử trọng đại*", NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2010, trang 114, 116, 119, 122, 126, 127-131, 132, 135, 136-142.

**Đại tá Đặng Việt Thủy /**  
**<http://giaoduc.net.vn>**

# CHIẾN THẮNG 30/4: MIỀN NAM HOÀN TOÀN GIẢI PHÓNG

Cựu nhân viên CIA Pribbenow nhận định tuy giấy khai tử của chính quyền Sài Gòn ghi ngày 30/4/1975, nhưng phát súng hạ gục đã được bắn từ ngày 18/3.

Trong một phiên họp của Bộ Chính trị ngày 18/3, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tuyên bố rằng cơ hội chiến lược chờ đợi từ bao lâu nay đã đến.



*Xe tăng quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập.*

Tướng Giáp lệnh cho QĐNDVN ngay lập tức tổ chức một cuộc tổng tiến công trên toàn chiến trường để giải phóng hoàn toàn miền nam Việt Nam ngay trong năm 1975. Đã đến lúc, lực lượng dự bị chiến lược là Quân đoàn 1 tinh nhuệ xung trận. Bộ Chính trị tức tốc phê chuẩn đề nghị của Tướng Giáp và ra lệnh tổng tiến công Sài Gòn từ mọi hướng.

Với quyết định này, kết cục của cuộc chiến tranh Việt Nam không còn gì phải nghi ngờ nữa. Tuy giấy khai tử của chính quyền Sài Gòn ghi ngày 30/4/1975, nhưng phát súng hạ gục đã được bắn từ ngày 18/3. Chiến thắng cuối cùng này đồng thời cũng là chiến thắng ít đổ máu nhất.

Cựu nhân viên CIA Pribbenow viết: Gần một phần tư thế kỷ trước, một đất nước thuộc thế giới thứ ba đã giành thắng lợi trong trận đánh cuối cùng của một cuộc chiến tranh gian khổ kéo dài, nhờ áp dụng một chiến lược tấn công hiện đại, dứt khoát và bất ngờ. Ngày nay, bài học rút ra từ chiến thắng này vẫn thật đáng nhớ, khi chúng ta đang sống trong một thời đại có khuynh hướng cậy vào công nghệ hơn là vào tư duy chiến lược và mặc định rằng các kỹ năng chiến lược của đối phương cũng lạc hậu như nền kinh tế, cấu trúc xã hội và nền tảng công nghệ của họ.



*Nữ biệt động Sài Gòn trong ngày chiến thắng 30/4.*

Vào ngày 4/3/1975, Quân đội Nhân dân Việt Nam bắt đầu tiến hành chiến dịch cuối cùng trong cuộc chiến 30 năm bằng một loạt đợt tấn công vào các vị trí của chính quyền Sài Gòn ở đèo Măng Giang, Tây Nguyên. Chiến dịch Hồ Chí Minh kết thúc thắng lợi hoàn toàn không đầy hai tháng sau đó không giống như



Trong Chiến dịch Tây Nguyên, sau khi ta đã thực hiện hai trận đánh then chốt là vào thị xã Buôn Ma Thuột từ ngày 10 đến 11-3-1975 và tiến công địch phản kích ở Phước An từ ngày 12 đến 18-3-1975 thì thế và lực của quân ta lên rất mạnh. Do bị kéo căng trong thế chiến tranh nhân dân của ta, cùng lúc phải đối phó với nhiều hướng, mũi ở các địa bàn chiến lược trọng điểm, như: Đà Nẵng – Huế; Tây Ninh và Tây Nguyên; do thiếu vũ khí, trang bị kỹ thuật và lực lượng nên Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (VNCH) đã quyết định ngừng chi viện, phản kích, đồng thời cho lực lượng rút khỏi Tây Nguyên. Mục đích là địch rút quân về đồng bằng ven biển để củng cố, đủ lực bảo vệ những phần đất còn lại của Quân khu 2.

13 giờ ngày 15-3, cuộc di tản của Quân đoàn 2 VNCH chính thức bắt đầu. Thiết đoàn 19 và Liên đoàn 6 Biện động quân (BDQ) mở đường từ Plây-cu đi Phú Túc. Tiếp đó là bộ phận còn lại của Bộ tư lệnh Quân đoàn II, Lữ đoàn 2 Thiết kỵ, các đơn vị bộ binh, hậu cần, kỹ thuật... Cùng với sự di chuyển này là lượng lớn dân sự, gồm công chức hành chính và thân nhân của sĩ quan, binh sĩ VNCH. Theo ước tính của các nhà nghiên cứu lịch sử quân sự, có khoảng hơn 2.000 phương tiện giao thông dân sự tham gia vào cuộc rút quân đã làm cho việc tổ chức rút quân rất phức tạp. Thêm nữa, việc rút lui theo đường số 7 từ Plây-cu đi Cheo Reo, Phú Bổn (thuộc tỉnh Gia Lai ngày nay) đi Phú Yên của địch cũng không thuận vì đường hẹp, mặt đường xấu, nhiều cầu nhỏ, trong khi năng lực của công binh Quân đoàn 2 VNCH rất hạn chế.

Sáng 16-3, khi đội thiết giáp đi đầu trong đoàn xe quân sự dài đến hơn

2.000 chiếc đã đến Cheo Reo (bây giờ là thị xã Ayun Pa) an toàn và bắt đầu di chuyển xuống Củng Sơn thì toán cuối của đoàn xe này mới ra khỏi thị xã Plây-cu.

Nắm được tình hình địch, chiều 15-3, khi cánh quân đi đầu của Thiết đoàn 19 đã qua Cheo Reo, Bộ Tư lệnh mặt trận Tây Nguyên đã quyết định sử dụng toàn bộ Sư đoàn 320A, Tiểu đoàn xe tăng 2 (Trung đoàn 273), Trung đoàn pháo binh 675, Trung đoàn cao xạ 593 và hai Tiểu đoàn quân địa phương ở Phú Yên thực hiện truy kích.

20 giờ ngày 16-3, Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 64 (Sư đoàn 320A) được lệnh cắt rừng, cơ động suốt đêm và lập một chốt chặn ở phía Nam thị xã Cheo Reo. Tiếp ứng phía sau là Trung đoàn 64 hành quân trên 110 xe ô tô các loại và các lực lượng khác.

Như vậy, với việc nắm chắc địch, ta đã tận dụng triệt để thời cơ và thế thắng trước đó, nhanh chóng điều và cơ động lực lượng chốt chặn các vị trí, hình thành thế chặn đầu, khóa đuôi để tấn công lực lượng địch di tản.

Hai là, bố trí thế trận hợp lý, chớp thời cơ, sử dụng lực lượng phù hợp, tạo tập thế trận vững chắc.

Khi địch rút bỏ Tây Nguyên, ta đã nhận định: Nếu so sánh lực lượng thì địch còn đông, trang bị vũ khí mạnh, ta chỉ có một sư đoàn được tăng cường binh khí kỹ thuật. Nhưng địch đang hoang mang, bạc nhược, chỉ huy rối loạn, đội hình lộn xộn. Bộ tư lệnh chiến dịch đã quyết định tiến công ngay. Ta đã lập được thế trận, dồn địch vào một tình thế rất bất lợi: Bộc lộ cả đội hình lớn trên một đoạn đường 7 chật hẹp và xấu, rất khó chỉ huy điều hành cơ động, nhất là khi bị tiến công; hơn nữa, do nhiều

công chức và nhân dân đi theo nên dễ hoảng loạn, ảnh hưởng rất lớn đến phương án tác chiến, khi bị tiến công sẽ nhanh chóng kéo theo sự hoảng loạn. Điều này đã được khẳng định trong cách đánh của ta.

Sáng 17-3, tốp xe tăng, thiết giáp đi đầu của Thiết đoàn 19 và Liên đoàn 6 Biệt động quân VNCH đã chạm súng với Tiểu đoàn 9, Trung đoàn 64 quân Giải phóng tại đèo Tuna, cách Cheo Reo 4km về Đông và bị chặn lại ở đây. Từ chiều tối 17 đến sáng 18-3, địch sử dụng Liên đoàn 7 BĐQ với sự yểm hộ của không quân, pháo binh và thiết giáp liên tục công kích nhỏ chốt, vu hồi bọc chốt để mở đường nhưng đều bị đẩy lùi.

Nhờ đánh giá đúng về địch, ta đã sử dụng lực lượng hợp lý, nhanh chóng hình thành thế trận tiến công địch. Các đơn vị hiệp đồng ăn khớp, chốt chặn, vận động tiến công cả phía trước, phía sau, bên sườn, tiêu diệt, không cho địch có cơ hội thoát về đồng bằng. Thế trận ấy được giữ vững khiến cho quân địch ùn ứ, mất tính chủ động trong tác chiến và hỗn loạn, phải bỏ chạy, đầu hàng.

Ba là, linh hoạt trong vận dụng phương pháp tác chiến và chiến thuật đánh trận then chốt

Một yếu tố quan trọng dẫn tới sự thành công của trận đánh chặn này là các lực lượng của ta đã nhuần nhuyễn trong tác chiến trận then chốt. Các đơn vị nắm chắc địch, đánh giá đúng khả năng của địch để vận dụng các loại hình chiến thuật phù hợp. Ta đã thay đổi phương pháp tiến công, dùng hỏa lực pháo binh đánh phá mãnh liệt, tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận, làm cho địch hoang mang đến cực độ, khiến chúng bị tan rã. Các đơn vị của ta đã sử dụng

các hình thức chiến thuật khôn ngoan, kết hợp chốt với tiến công. Sau khi đã đẩy lùi các lần đột phá của địch, ta đã chủ động đánh thẳng vào đội hình của chúng, rồi hình thành thế bao vây, chia cắt để tiêu diệt địch.

Sáng 18-3, toàn bộ Trung đoàn 64 (Sư đoàn BB 320A) đã triển khai xong các chốt chặn tiếp theo phía hạ lưu đèo Tuna. Trung đoàn 48 (thiếu) của sư đoàn 320A và Trung đoàn 9 (Sư đoàn 968) đã bao vây Cheo Reo từ ba mặt. Trưa ngày 18-3, Chuẩn tướng Phạm Văn Tấn điều Liên đoàn 25 BĐQ đang làm nhiệm vụ cản hậu vượt lên trước cùng với Lữ đoàn 2 Thiết kỵ mở cuộc công kích cuối cùng để mở đường. Cũng thời điểm này, các đơn vị pháo binh của Trung đoàn 675 tập kích hỏa lực vào các vị trí đóng quân tạm thời của địch trong thị xã Cheo Reo và 3 trung đoàn bộ binh quân Giải phóng bắt đầu tấn công. Phía trước bị chặn, phía sau bị tiến công, khiến địch tranh đường của nhau để chạy.

Sau trận đánh này, cuộc di tản của ngụy quyền Sài Gòn rời bỏ Tây Nguyên đã trở thành thảm kịch. Báo chí nước ngoài gọi đó là "Thảm kịch đường số 7". Chiến thắng chặn, truy kích địch ở đường số 7, số 5 trong Chiến dịch Tây Nguyên đã trở thành bài học vô giá, đóng góp vào kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam.

**Ths VŨ BÌNH TUYẾN,  
Viện LSQS Việt Nam**

*Tài liệu nghiên cứu chủ yếu: Tổng kết những trận đánh then chốt chiến dịch trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nhà Xuất bản QĐND 2001)*

// <http://www.qdnd.vn/>



# THỜI CƠ CHIẾN LƯỢC TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG MÙA XUÂN 1975

Sau khi Hiệp định Paris về “Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết (27/1/1973), tương quan lực lượng địch - ta trên chiến trường miền Nam có sự thay đổi căn bản, theo hướng có lợi cho ta và bất lợi cho địch. Đây là thời cơ rất lớn, mở ra cuộc tiến công quyết định để có thể giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

PGS.TS Nguyễn Mạnh Hà (Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng) nhớ lại: Ngày 24/5/1973 Bộ Chính trị họp hội nghị mở rộng với đại biểu của các chiến trường để nghiên cứu, thảo luận, phân tích âm mưu, hành động Mỹ - ngụy, đánh giá thực trạng của miền Nam sau Hiệp định Paris, đánh giá lực lượng giữa ta và địch, dự kiến khả năng phát triển tình hình cũng như nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam. Tiếp sau Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 21 (hội nghị được tiến hành trong hai đợt, đợt I từ ngày 19/6 đến ngày 6/7/1973 và đợt II từ ngày 1/10 đến ngày 4/10/1973) xác định, việc Mỹ rút quân đã tạo cơ hội rất lớn cho chúng ta giải phóng miền Nam. Đảng đã quyết định tập trung toàn bộ lực lượng, toàn bộ cơ sở vật chất mà chúng ta có để đưa vào miền Nam.

Từ tháng 4/1973, theo chỉ thị của đồng chí Lê Duẩn, Bộ Tổng tham mưu xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam. Kế hoạch này được sửa đổi 8 lần, đến cuối năm 1973, cơ bản thống nhất kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm (dự kiến 1975 - 1976).

## Chuẩn bị công phu, bí mật và chủ động

Trong vòng 2 năm kể từ khi kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam được xây dựng, để chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công, ta đã đưa 11 vạn bộ đội, vận chuyển hơn 400.000 tấn vật chất vào miền Nam; Dồn toàn bộ sức lực còn lại của miền Bắc cho trận cuối cùng. Chúng ta cũng thành lập ra những quân đoàn chủ lực. Trong đó, Quân đoàn 1 thành lập ngày 24/10/1973, Quân đoàn 2 thành lập ngày 17/5/1974, Quân đoàn 3 thành lập ngày 26/3/1975 (khi đang trong quá trình đánh Tây Nguyên). Đó là những đơn vị sắm vai trò chủ công trong cuộc tổng tấn công. Chúng ta cũng xây dựng được hệ thống mạng lưới đường xá, hệ thống đường ống dẫn xăng dầu, hệ thống hơn 10.000 km dây thông tin cho cuộc tổng tiến công.



*Trưa 30/4/1975, xe tăng quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập, sào huyệt cuối cùng của Ngụy quyền Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Ảnh: Trần Mai Hương/TTXVN*

Điều khiến Đảng ta băn khoăn khi đó là, nếu chúng ta đánh, Mỹ có quay trở lại không? Tuy nhiên, sau khi tổng

hợp tất cả các yếu tố, đặc biệt là tháng 8/1974, khi tổng thống Mỹ Nixon, người ủng hộ nhiều nhất cho quân đội Việt Nam cộng hòa, buộc phải từ chức vì vụ bê bối Watergate, Đảng ta nhận định, thời cơ của cuộc tổng tiến công lớn đã đến, đồng thời cùng Quân ủy TƯ, Bộ Tổng tư lệnh vạch ra kế hoạch Tổng tiến công mùa xuân 1975.

Để thử phản ứng của Mỹ, ta đã mở một cuộc trình sát chiến lược, thực hiện chiến dịch giải phóng Phước Long. Đến ngày 6/1/1975, sau khi giải phóng thị xã Phước Long, kết thúc chiến dịch, phía Mỹ cũng chỉ phản ứng chiếu lệ. Điều này giúp ta khẳng định Mỹ sẽ không quay trở lại Việt Nam.

Cuộc tổng tiến công này có nhiều điều đặc biệt: Thứ nhất, công tác chuẩn bị rất bí mật. Ngay từ tháng 1/1975 Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng đã được bí mật điều vào miền Nam, đại diện Bộ Chính trị cùng quân dân miền Nam chỉ đạo cuộc tiến công này. Chúng ta cũng xác định Tây Nguyên sẽ là chiến trường mở màn cho cuộc tổng tiến công. Chính vì vậy, từ trước đó, trong các tập bài của học viện quân sự cao cấp, các giáo viên đã ra các tình huống cho học viên, là những cán bộ cao cấp trong quân đội về các tình huống đánh các vị trí, thị xã trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên. Chiến dịch Tây Nguyên được vạch ra rất bí mật, trường phòng tác chiến mặt trận Tây Nguyên được đưa ra Hà Nội họp với Bộ Tổng tham mưu, phải học thuộc lòng tất cả các tình huống, phương án tác chiến rồi đi vào, mà không được phép ghi chép bất cứ điều gì.

Điều đặc biệt thứ 2 là chúng ta đã tổ chức nghi binh trong Chiến dịch Tây Nguyên rất tốt. Đây là “cuộc nghi binh hoàn hảo” trong kháng chiến chống Mỹ,

chúng ta đã giữ được bí mật đến phút chót, khiến quân đội chính quyền Sài Gòn bất ngờ. Chính quyền Sài Gòn luôn cho rằng, chúng ta sẽ tấn công Pleiku và Kon Tum, nên đã đưa toàn bộ quân đi phòng thủ 2 địa phương này, mà không phòng thủ Buôn Mê Thuột. Đến đêm 9/3, khi quân ta đánh chiếm Buôn Mê Thuột, địch bị bất ngờ, không kịp trở tay, và đến trưa ngày 11/3, ta đã chiếm được thị xã Buôn Mê Thuột.

### **Thời cơ chiến lược**

Việc ta đánh Buôn Mê Thuột là đòn điểm huyệt, làm rung động thể bố trí của toàn quân đội Sài Gòn ở Tây Nguyên. Không bao giờ nghĩ chúng ta dám đánh thị xã lớn nhất Tây Nguyên, nên khi bị đánh chiếm xong Buôn Mê Thuột, quân đội Sài Gòn có phản kích, tái chiếm mấy lần nhưng không được. Lúc này, Nguyễn Văn Thiệu và tướng lĩnh ngụy quyền Sài Gòn đã phạm sai lầm lớn về chiến lược, đó là rút bỏ khỏi Tây Nguyên để lui về cố thủ giữ Sài Gòn và các tỉnh duyên hải miền Trung. Sai lầm này của Nguyễn Văn Thiệu đã dẫn đến sự sụp đổ của ngụy quyền Sài Gòn, đồng thời tạo ra thời cơ chiến lược rất lớn cho ta.

Việc ngụy quyền Sài Gòn rút chạy khỏi Tây Nguyên là tình huống chiến lược ngay cả Quân ủy TƯ và Đảng ta cũng không lường tới. Không ngờ được là ta chỉ đánh mỗi trận Buôn Mê Thuột mà lại chiếm được cả Tây Nguyên. Chính vì ta không lường được việc quân Sài Gòn rút chạy, nên chúng ta cũng không có phương án chặn đánh khi địch rút chạy. Đây là một thực tế, bởi theo kế hoạch, ta đánh Buôn Mê Thuột và các địa bàn trên Tây Nguyên, dần dần theo tình hình mới tập trung đánh nơi khác và đến năm 1976 mới mở cuộc tổng tiến công.

Tuy nhiên, sau khi đánh chiếm Buôn Mê Thuột, các trinh sát ta phát hiện máy bay lên xuống liên tục, các gia đình chính quyền Sài Gòn vội vàng mua vé máy bay rời khỏi đó hết, nên các trinh sát phán đoán có lẽ địch sẽ rút chạy. Lúc này, các đơn vị của Nguyễn Văn Thiệu ở Tây Nguyên đã lạng lẽ theo một số đường đi xuống duyên hải miền Trung. Các đơn vị của ta phát hiện, báo lên Bộ Chỉ huy chiến dịch và đồng chí Văn Tiến Dũng. Do không chuẩn bị phương án chặn đánh từ trước, nên Bộ chỉ huy và đồng chí Văn Tiến Dũng lệnh cho các đơn vị vừa truy kích, bám theo và chặn đánh quân đội Sài Gòn.

Khi các đơn vị của chúng ta đang bám theo quân đội Sài Gòn trên đường chạy xuống các tỉnh duyên hải miền trung, Đại tướng Văn Tiến Dũng nhận được lệnh từ Bộ Chính trị điện về, yêu cầu dừng truy kích, quay trở lại phát triển dọc Tây Nguyên. Khi nhận được bức điện, Đại tướng Văn Tiến Dũng rất ngạc nhiên, không hiểu sao Hà Nội lại có chỉ đạo như vậy. Ông không trả lời, cứ để anh em tiếp tục bám theo truy kích và đánh địch. Sau đó, ông lại nhận được một bức điện thứ 2, có nội dung kiên quyết hơn, nội dung đại ý yêu cầu quân ta dừng truy kích, quay ngay trở lại phát triển dọc Tây Nguyên và đánh từ Tây Nguyên xuống Tây Ninh sau đó vào Sài Gòn.

Nhận được bức điện thứ 2, Đại tướng Văn Tiến Dũng không thể không trả lời, ông trần trụi rồi quyết định thảo một bức điện gửi về Bộ Chính trị, nội dung bức điện đại ý: Mọi việc trong này, anh Năm Công (tức đồng chí Võ Chí Công - khi đó là bí thư Liên khu 5) sẽ ra báo cáo các anh, còn xin đề nghị cho chúng tôi tùy tình hình trong này để triển khai... Và đại tướng Văn Tiến Dũng tiếp

tục chỉ huy các lực lượng quân ta bám đánh quân đội Sài Gòn theo các con đường 7, 5, 19, 21 xuống duyên hải miền Trung.

Về tình huống này, qua nghiên cứu, PGS - TS Nguyễn Mạnh Hà, Viện trưởng Viện lịch sử Đảng cho rằng, nếu khi đó Bộ chỉ huy Chiến dịch Tây Nguyên và Đại tướng Văn Tiến Dũng chấp hành lệnh của Bộ Chính trị, dừng truy kích và quay trở lại phát triển dọc Tây Nguyên, thì chưa biết cuộc tổng tiến công của chúng ta sẽ kéo dài đến khi nào. Vì khi ta truy kích quân địch xuống duyên hải miền Trung, vô hình trung chúng ta đã cô lập được quân khu 1 của địch. Đây là điều về mặt chiến lược mà Bộ chỉ huy quân sự Tây Nguyên thấy rất rõ, nên Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã lệnh cho Đại tướng Lê Trọng Tấn, trong vòng 3 ngày phải giải phóng Huế và Đà Nẵng để khớp được kế hoạch tiến công. Ngày 26/3, ta giải phóng Huế và ngày 29/3, ta giải phóng Đà Nẵng.

Khi giải phóng được Huế và Đà Nẵng, ta đã hoàn thành một nửa chặng đường của chiến dịch. Nhưng quan trọng nhất lúc này, là thời cơ chiến lược xuất hiện ngày càng rõ. Nếu như khi ta chiếm được Tây Nguyên, Bộ Chính trị xác định, trong suốt 20 năm chiến tranh giải phóng, chưa bao giờ có thời cơ thuận lợi như lúc này, và bắt đầu chuyển sang kế hoạch thời cơ, tức là cố gắng giải phóng miền Nam trước mùa mưa (mà không dùng kế hoạch 2 năm nữa). Đến khi giải phóng Huế, Đà Nẵng xong, Bộ Chính trị xác định, cố gắng giải phóng miền Nam trong tháng 4.

Sau khi giải phóng Đà Nẵng, giải phóng các tỉnh duyên hải miền Trung, việc đánh vào Sài Gòn trở nên đơn giản hơn nhiều. Quân ta chỉ vấp phải phòng

tuyến vòng ngoài cùng là Phan Rang. Sau khi đánh Phan Rang, phá vỡ cánh cửa thép Xuân Lộc, ngày 19/4 đến 21/4, Nguyễn Văn Thiệu lên đài truyền hình tuyên bố từ chức. Ngày 26/4, ta bắt đầu mở chiến dịch Hồ Chí Minh với lực lượng áp đảo, gấp 3 lần lực lượng quân đội Sài Gòn. Ta tập trung khoảng 15 vạn quân đánh vào Sài Gòn. Đây là chiến dịch lực lượng mạnh nhất, tập trung đông nhất, chiến dịch diễn ra ngắn ngày nhất (chỉ trong 4 ngày).

Từ những diễn biến dẫn đến thời cơ thuận lợi nhất cho cuộc chiến cho thấy, trong chỉ đạo chiến lược, nếu chúng ta chỉ cần có quyết định khác một chút, tình thế sẽ khác hẳn. Và rất may mắn là chúng ta có những quyết định chính xác, đúng đắn cho cuộc tổng tiến công. Góp phần vào chiến thắng to lớn, nhanh chóng cho chúng ta trong cuộc tổng tiến công năm 1975.

**Phương Lan (ghi) /**  
**<http://baotintuc.vn>**

## CHÚNG TÔI TIẾN CÔNG GIẢI PHÓNG SÀI GÒN TỪ HƯỚNG TÂY - TÂY NAM

Về ý định giải phóng miền Nam, tuy đã cùng tập thể Bộ Chính trị họp bàn và thống nhất là hai năm (1975-1976), nhưng anh Lê Duẩn vẫn băn khoăn và nói cố gắng làm sớm, giải phóng sớm miền Nam, để nguy nó lại hơn thì khó. Tôi cho đây là một suy nghĩ sắc sảo của anh Lê Duẩn.

Sau khi Bộ chỉ huy Miền (gọi tắt là B2) đã thông qua “Kế hoạch quân sự mùa khô 1974-1975” rồi thì hai anh Phạm Hùng và Trần Văn Trà mới ra họp Trung ương. Trong khi hai anh đang họp ngoài đó thì trong này chúng tôi giải phóng Phước Long.

Thực tế sau khi giải phóng Phước Long (ngày 6-1-1975) và núi Bà Đen, Bộ chỉ huy Miền chúng tôi đã bắt tay ngay vào làm “Kế hoạch tiến công giải phóng Sài Gòn”. Chúng tôi thảo phương án sử dụng lực lượng, lấy lực lượng tại chỗ là chủ yếu, tính toán kỹ thấy chỉ thiếu 1 quân đoàn. Anh Trần Văn Trà đi họp ngoài Bắc vào, anh nói “anh Ba” (tức Lê

Duẩn) bảo sẽ làm sớm, để chậm sẽ khó khăn, phức tạp”. Anh Trà cho biết, sau khi ta đã có chiến thắng Phước Long thì mục tiêu đột phá mở đầu Chiến dịch Tây Nguyên vẫn là Chi khu Đức Lập chứ không phải là Buôn Ma Thuột, lúc đầu ý kiến chọn đánh Buôn Ma Thuột còn ngang ngửa lắm, nhưng rồi cuối cùng, thực tiễn chiến trường đã cho phép ta chọn Buôn Ma Thuột. Anh Lê Duẩn nói “đánh Buôn Ma Thuột xong sẽ đánh Sài Gòn”. Khi anh Trà trở về, Bộ chỉ huy Miền chúng tôi họp bàn và thống nhất là điện xin Trung ương đưa ngay Quân đoàn 3 vào tăng cường cho B2. Cả Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền gần như thống nhất là sẽ tiến công và giải phóng Sài Gòn trong tháng 4, vì sang tháng 5 ở Nam Bộ đã vào mùa mưa, việc cơ động của ta, nhất là tăng, pháo và cơ giới sẽ khó khăn, mà khó khăn nhất là hướng Tây-Tây Nam Sài Gòn, vùng Long An mênh mông đồng nước, kênh rạch và sinh lầy. Cùng với việc soạn thảo kế hoạch là xây dựng “Quyết

tâm chiến đấu”, sơ đồ đã phác ra 5 hướng (Bắc, Tây Bắc, Tây-Tây Nam, Đông, Đông Bắc) tiến công vào sào huyệt cuối cùng của ngụy quyền tay sai. Người trực tiếp vẽ sơ đồ là đồng chí Long, người của Bộ Tổng Tham mưu vào làm Trưởng phòng Tác chiến Sở Chỉ huy Miền nên tác nghiệp rất nhanh. Phải nói, Bộ chỉ huy Miền chúng tôi thời đó có được đội ngũ cán bộ tham mưu giúp việc đã giỏi chuyên môn lại vừa có kỷ luật và thái độ trách nhiệm rất cao, nên mọi việc được giao anh em thường hoàn thành trước thời gian, nhiều khi thấy anh em ham việc quên cả ăn và nghỉ chúng tôi nhắc nhở thì họ “cụ” lại “Thủ trưởng nói nửa lời là làm chết bỏ!- xả thân không nề hà” khiến chúng tôi rất yên tâm.



### ***Quân giải phóng từ hướng Tây Nam Bộ tiến về Sài Gòn. Ảnh tư liệu***

Khi hai anh Lê Đức Thọ và Văn Tiến Dũng được Bộ Chính trị cử vào (cùng với anh Phạm Hùng) làm đại diện Bộ Chính trị tại mặt trận, các anh xem và nói: “Kế hoạch làm tốt, nhưng phải thêm quân”. Và các anh cũng thấy nơi khó nhất là hướng Tây- Tây Nam, vì quá trình vận động và tiến công phải vượt qua địa hình nhiều sinh lầy. Các anh cũng thống nhất với nhận định, phân tích của Bộ chỉ huy Miền, đây là một hướng tiến công rất quan trọng, vì có chiếm lĩnh và làm chủ lộ 4, ta mới cắt

đứt được khả năng cơ động đường bộ của quân ngụy từ Quân đoàn 4 và Vùng 4 chiến thuật (Cần Thơ và Đồng bằng sông Cửu Long) về ứng cứu cho Sài Gòn, hoặc ngược lại chúng tháo chạy từ Sài Gòn về Cần Thơ để cố thủ, như vậy đều sẽ gây thêm nhiều khó khăn và nhiều tổn thất cho ta trong trận đánh cuối cùng. Tôi lại được giao làm Phó tư lệnh Chiến dịch tiến công giải phóng Sài Gòn-kiêm Tư lệnh cùng anh Lê Văn Tường (tức Hai Tường) làm Chính ủy của cánh quân tiến công từ hướng Tây-Tây Nam, một trong 5 hướng tiến công của trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Trước khi Chiến dịch Hồ Chí Minh mở màn, Bộ chỉ huy Chiến dịch đã quyết định rút hai anh, Nguyễn Minh Châu (tức Năm Ngà)-Tư lệnh và Văn Phác-Chính ủy Đoàn 232 về công tác ở Bộ chỉ huy Miền. Cánh quân hướng Tây-Tây Nam lúc này trên cơ sở Đoàn 232 và được bổ sung một số đơn vị, đội hình tiến công của hướng này gồm có: Ba sư đoàn bộ binh (3, 5 và 9), 4 trung đoàn bộ binh độc lập; 1 trung đoàn đặc công; được tăng cường 1 tiểu đoàn xe tăng T54; 1 tiểu đoàn thiết giáp PT85; 1 tiểu đoàn pháo 130mm; 1 trung đoàn và 1 tiểu đoàn phòng không; Sư đoàn 8 Bộ binh của Quân khu 8. Như vậy, lực lượng của cánh quân hướng Tây-Tây Nam chúng tôi tương đương 1 quân đoàn tăng cường, cùng các LLVT và lực lượng chính trị của địa phương. Cánh quân này có nhiệm vụ: Cắt lộ 4 (đoạn Bến Lức đến Tân An), tiến công giải phóng Bến Lức và Tân An, cắt đứt sự liên hệ của địch giữa Sài Gòn và đồng bằng miền Tây, diệt địch ở Hậu Nghĩa, mở cửa tuyến sông Vàm Cỏ, tổ chức một lực lượng binh chủng hợp thành (cỡ

sư đoàn tăng cường) tiến công Sài Gòn từ hướng Tây, chiếm Biệt khu Thủ đô, tổ chức một bộ phận hợp điểm tại Dinh Độc Lập; tổ chức một lực lượng từ phía Nam đánh chiếm cầu Nhị Thiên Đường, phát triển đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát, chiếm các quận 5, 6, 7 và Bình Chánh. Nói gọn lại thì chúng tôi được giao 3 mục tiêu rất quan trọng là: Cắt đứt lộ 4 (đoạn từ Long An đi Bến Lức), tiến công Tổng nha Cảnh sát và Biệt khu Thủ đô; sau đó chia làm hai mũi, một vào Dinh Độc Lập và một vào căn cứ Bộ tư lệnh Hải quân ngay ở Ba Son và Bạch Đằng.

Khi nhận nhiệm vụ cùng tôi chỉ huy cánh quân trên hướng Tây-Tây Nam đánh vào Sài Gòn, anh Lê Văn Tường rất phấn khởi vì ở “thời điểm lịch sử” lại được cấp trên giao nhiệm vụ đúng với ước nguyện của mình “trận cuối cùng được trực tiếp về tham gia giải phóng quê hương”, anh gốc người Long An. Tôi đã có dịp sát cánh cùng anh trong đợt hai của cuộc Tổng tiến công Mậu Thân 1968, anh là một cán bộ trung thực, dễ gần, chu đáo và rất kiên cường, dũng cảm. Nhận nhiệm vụ xong, tôi bảo anh về trước chuẩn bị về tổ chức. Chiều 13-4-1975 anh đi, ngày 14-4 đã có mặt ở Sở Chỉ huy của cánh quân hướng Tây-Tây Nam bên bờ sông Vàm Cỏ thuộc huyện Đức Huệ-Long An; còn tôi ở lại họp Bộ chỉ huy Chiến dịch, đến ngày 17-4 mới xuống Long An, chính thức cầm quân ở hướng này.

Anh Hai Tường trao đổi, chúng tôi đề xuất và được trên chấp thuận điều anh Lê Quốc Sản-Tư lệnh Khu 8 làm Phó chỉ huy, bổ nhiệm anh Hai Nghiêm-Phó chỉ huy Đoàn 232 làm Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh cánh quân hướng Tây-Tây Nam. Anh Nghiêm trước ở ngoài Bắc làm Trưởng phòng ở Cục Tác

chiến, lúc mới vào cũng làm Trưởng phòng Tác chiến, sau làm Cục trưởng, là người có tác phong rất tỉ mỉ lại chịu khó, rất kiên định trong vấn đề đánh Mỹ.

Việc cắt lộ 4 (đánh chiếm, làm chủ đường số 4-đoạn từ Tân An đến Bến Lức, cắt đứt đường cơ động của ngụy từ Sài Gòn đi Cần Thơ) là nhiệm vụ rất khó khăn. Bộ Tư lệnh cánh quân hướng Tây-Tây Nam chúng tôi đã chọn và giao cho Sư đoàn 5 do đồng chí Út Liêm làm Sư trưởng, sau đó là đồng chí Vũ Thước (tức Năm Thước) thay thế; đồng chí Hòa làm Chính ủy (trước đó đồng chí Hòa làm Chánh Văn phòng Bộ chỉ huy Miền) thực hiện, với yêu cầu phải hoàn thành nhiệm vụ trước ngày N-3 (tức trước ngày toàn tuyến nổ súng tiến công 3 ngày), sau đó phối hợp với LLVT tại chỗ tiến công giải phóng Tân An và Bến Lức, giữ vững khu vực đã giải phóng. Quá trình cơ động đến các vị trí triển khai đội hình chiến đấu, Sư đoàn 5 gặp rất nhiều khó khăn, nhưng nhờ có sự giúp đỡ của nhân dân và các LLVT địa phương, nên đơn vị đã vượt qua tất cả. Hình ảnh làm cán bộ, chiến sĩ chúng tôi ấn tượng mãi ở đây là cô du kích tên Sáu Sửa, khi cô dẫn đường cho một trung đoàn của Sư 5 cơ động, trên thì mưa như xối, dưới là sinh lầy, có đoạn phải dầm mình dưới nước mà đi, đĩa thấy hơi người là bu vào cắn, nhiều trai tráng còn sợ, vậy mà cô rất bình tĩnh vừa lội vừa bắt từng con ném ra xa. Nhờ có cô dẫn đường và tham mưu (lúc đầu Sư đoàn 5 xác định tổ chức thành hai mũi tiến công. Mũi thứ nhất, lực lượng là một trung đoàn, giải phóng Thủ Thừa; mũi thứ hai, lực lượng là hai trung đoàn, tiến công giải phóng Bến Lức và thị xã Tân An cùng lộ 4, tổ chức giữ chắc địa bàn, sau đó cho một lực lượng phát triển chiến đấu vào thành phố, giải

phóng được khu Phú Lâm. Nhưng cô Sáu Sửa góp ý: Chỉ cần tập trung đánh Bến Lức và thị xã Tân An thì quân nguy ở Thủ Thừa sẽ rút chạy, Chỉ huy Sư đoàn 5 đã tiếp thu và tổ chức thực hiện theo phương án đó, kết quả đúng như nhận định của cô) nên Sư đoàn 5 vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ lại tránh được nhiều tổn thất hy sinh. Cùng với các ý kiến tham mưu có hiệu quả, cô Sáu Sửa

được cán bộ, chiến sĩ của trung đoàn suy tôn là Trung đoàn phó. Sau này, với nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, cô Sáu Sửa đã được tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân, làm Bí thư Huyện ủy Thủ Thừa, rồi huyện Đức Huệ sau đó làm Phó chủ tịch tỉnh Long An.

**Đại tướng Lê Đức Anh /  
Bảo Quân đội Nhân dân**

## SÀI GÒN NGÀY 30/4 QUA HỒI ỨC SỐNG ĐỘNG CỦA NHÀ BÁO ANH

Sáng 30/4/1975, người Sài Gòn hân hoan trong tiếng nhạc chiến thắng vang lên từ các loa phóng thanh khắp đường phố. Vui mừng nhưng cũng bối rối, nhiều người không biết phải làm gì, có tiếp tục đi làm hay ở nhà, liệu chợ có còn bán thực phẩm hay không...

Trên đây một phần trong những hồi ức sống động của phóng viên Martin Woollacott của tờ báo Anh *The Guardian*, người đã chứng kiến toàn bộ thời khắc cuối cùng khi người Mỹ tháo chạy và chính quyền nguy đầu hàng tại Sài Gòn ngày 30/4/1975. Trong bài viết này, ông Woollacott đã thuật lại những cảm xúc như mới vừa diễn ra hôm qua.

Theo đó, một ngày sau khi những người Bắc Việt Nam tiến vào Sài Gòn, thành phố bị đánh thức bởi bài ca chiến thắng. Trong suốt đêm trước đó, lính công binh của đoàn quân chiến thắng đã gắn lên hàng loạt loa phóng thanh. Và từ khoảng 5 giờ sáng, giai điệu giải phóng được phát lên không ngừng.

Đó là ngày 30/4/1975, và những ánh nắng ban mai mạnh mẽ chiếu sáng

khắp những con phố hầu như vắng tanh của Sài Gòn, tại thời điểm mà thường ngày giao thông bắt đầu nhộn nhịp. Dù vậy, khi ấy không ai biết phải làm gì - liệu có đi làm hay không, liệu có thể mua thứ gì đó ở chợ không, và liệu có xăng dầu, hoặc những cuộc giao tranh mới nữa không.



**Một nhóm lính nguy bị bộ đội Việt Nam áp giải trên đường ngày 30/4/1975 (Ảnh: AFP)**

Không chỉ có cuộc sống thường nhật của Sài Gòn bị đảo lộn. Vị trí của nó với tư cách thủ đô của Nam Việt Nam đã biến mất chỉ sau một đêm. Các binh sỹ, tướng lĩnh, chính trị gia và cả những viên chức đều đã biến mất. Tại

thời điểm đó, họ đang đứng ngồi lố nhố trên boong của các tàu chiến trên Biển Đông, với những tấm chăn của hải quân Mỹ quàng trên vai.

Người Việt Nam đùa rằng quân giải phóng tiến Sài Gòn “mà không làm vỡ một cái đèn đường”. Điều đó không hề đúng, bởi thương vong là rất lớn với cả hai phía, nhưng giao tranh đã không nổ ra trong thành phố. Tại trung tâm, mối lo ngại lớn hơn chính là tình trạng cướp bóc và vô pháp luật.

“Phóng viên Stewart Dalby của tờ *Financial Times* và tôi đang đi dọc Tự Do (nay là đường Đồng Khởi), một trong những phố chính của Sài Gòn, thì một người đàn ông trông hung dữ với áo cởi buộc ngang lưng quần bước tới. Ông ta để tay lên thắt lưng để ra hiệu có súng, và sau đó thoải mái nhấc chiếc máy ảnh đất tiền ra khỏi cổ Dalby”, ông Woollacott nhớ lại. “Những vụ việc như vậy đủ để khiến hầu hết mọi người tin rằng bộ đội giải phóng tiếp quản hoàn toàn thành phố này sớm ngày nào tốt ngày đó”.

Và vào ngày đầu tiên của kỷ nguyên mới, không còn người Mỹ nào tại tòa đại sứ trông như pháo đài trên đại lộ Thống Nhất (nay là đường Lê Duẩn), hoàn toàn trái ngược với cảnh sơ tán hỗn loạn một ngày trước đó, mà theo sau là cảnh cướp bóc.

Tại tòa thị chính lộng lẫy cũng không một bóng người. Không còn vị đại biểu nào tại nhà hát lớn kiểu Pháp, nơi quốc hội cũ từng nhóm họp. Và cũng không còn vị tổng thống nào tại dinh tổng thống. Nguyễn Văn Thiệu đã rời khỏi đất nước. Người kế nhiệm ông ta chỉ nắm quyền một tuần trước khi bàn giao cho Dương Văn Minh.

Ông Minh đã nói với những sỹ quan đầu tiên của quân đội miền Bắc, những người vào dinh tổng thống rằng ông sẵn sàng bàn giao quyền lực. “Ông không thể bàn giao thứ mà ông không có”, các sỹ quan đáp lại trước khi dẫn giải ông ta đi. Ông Minh chỉ làm tổng thống có 2 ngày.



***Giày và quần phục của binh sĩ chính quyền Sài Gòn bị bỏ lại trên đường (Ảnh: Internet)***

Tại khắp các khu thảo cầm viên của thành phố, nơi người dân từng dạo bộ dịp cuối tuần với con cái, số tin đồn nhiều không kém số bước chân. “Người Pháp đang quay lại với 2 sư đoàn”, một người nói. “Người Mỹ sẽ sớm ném bom”, một người khác phao tin. “Sẽ có một chính phủ liên minh”, một người nữa nói.

Nhưng đến cuối những câu chuyện đó, tâm lý chung dường như là “chúng ta đều là người Việt Nam cả mà”, được nói ra với vẻ vừa như hy vọng, vừa như buông xuôi. Đó là suy nghĩ tự trấn an với nhiều người, nhưng không phải với các quan chức, hoặc những người có mối liên hệ với chính quyền cũ hoặc người Mỹ.

Họ sợ sự trả thù, hoặc ít nhất, bị chú ý do sự trung thành trước đây của mình. Một số người, theo chúng tôi, không đáng phải lo lắng đến vậy, nhưng bị cuốn theo sự điên loạn của thời khắc



đó. Do vậy nhiều người tìm cách tháo chạy.

Các sỹ quan Mỹ chịu trách nhiệm điều phối việc di tản đã có những lựa chọn khó khăn. Để không làm suy yếu lực lượng bảo vệ miền Nam Việt Nam, họ phải hạn chế những đợt di tản sớm, nhưng cũng phải hứa hẹn ngày càng mạnh mẽ với những ai ở lại rằng “nếu mọi chuyện ổn cả” (chính quyền miền Nam Việt Nam còn tồn tại dưới một dạng nào đó), tất cả sẽ được đưa đi ở phút cuối.

Đó là lời hứa họ không thể giữ. “Tiếng la hét hoảng loạn trên điện đài của CIA vào ngày cuối vẫn còn giăng xé lương tâm tôi”, Frank Snepp, một trong những nhân viên của CIA tại Sài Gòn thuật lại nhiều năm sau chiến tranh.

Một ngày trước khi Sài Gòn thất thủ, từ nóc của Caravelle, một trong hai khách sạn hạng sang của thành phố, tôi và các phóng viên khác nhìn thấy một hàng người chờ đợi trong sự tuyệt vọng ngày một tăng tại một điểm sơ tán, và dần nhận ra rằng sẽ không còn chiếc trực thăng Mỹ nào quay lại.

Tại đại sứ quán Mỹ, sự tuyệt vọng là rõ hơn cả. Đám đông la hét ủa vào nơi này, van nài được vào trong, giữa lúc các binh sỹ kéo vào những ai có giấy giới thiệu phù hợp - một khuôn mặt phương Tây cũng có ích - còn đẩy ra những người còn lại.

Ngày hôm sau, những chiếc xe tăng tiến vào đầu tiên. Những nòng pháo dài vươn ra hướng về trung tâm thành phố và dinh tổng thống. Chiến tranh luôn đi kèm với lộn xộn, và một số xe bị lạc đường. Chúng tôi thấy một xe lùi lại và chuyển hướng. Bánh xe nó nghiêng kèn kẹt và sau đó tiến về phía một bệnh viện cũ kiểu Pháp, rõ ràng

không phải một mục tiêu quân sự. Nhưng cũng rất nhanh sau đó, xe tăng đã đến cổng dinh tổng thống và chạy xuyên qua.



**Xe tăng của quân giải phóng tại sân dinh Độc Lập ngày 30/4/1975 (Ảnh: AP)**

Những người lính mới, mà chúng tôi nhanh chóng học được cách gọi “bộ đội”, mặc bộ quân phục một màu xanh, hơi nhẹ nhàng và đội những chiếc mũ kiểu cũ. Trông họ thật nhẹ nhõm: chiến tranh đã qua, họ vẫn còn sống và đóng góp phần của mình vào một trang sử vĩ đại.

Vài ngày sau, một cuộc duyệt binh diễn ra và sau đó nhiều người rời Sài Gòn. Những người ở lại đều lịch thiệp và có chút gì miễn cưỡng. Họ xem những người nước ngoài da trắng đều là người Nga. Một số thì bất ngờ bởi sự phồn thịnh của Sài Gòn, hoặc thích thú với những chiếc đồng hồ, chỉ được phát cho các sỹ quan cấp tá trở lên, đặc biệt những chiếc có thể hiện ngày. Họ gọi những chiếc đó là “đồng hồ có cửa sổ”.

Nếu đi thành cặp, họ thường nắm tay nhau, một cử chỉ cảm động gây tò mò. Nhưng họ rõ ràng được huấn luyện bài bản đáng ngưỡng mộ. Khi một vài kẻ ngoan cố nổ súng về phía bộ đội miền Bắc gần công viên nằm giữa dinh tổng thống và nhà thờ lớn, các phóng

viên ngay lập tức được thấy một màn dàn đội hình như múa ba lê.

Những binh sỹ đang nằm và hút thuốc chỉ một phút trước đó đột ngột nằm sấp xuống và bắn trả đầy khôn ngoan, trong khi các nhóm bên cánh áp sát những kẻ tấn công. Đó là lời nhắc nhở rằng thời chiến tranh giữa lực lượng du kích được trang bị thô sơ đối đầu với lực lượng quân chính quy đông đảo đã qua.

Các binh sỹ miền Bắc Việt Nam tiến vào Sài Gòn với tất cả những gì một đội quân hiện đại muốn có. Họ có nhiều vũ khí và pháo binh - tất cả mọi thứ trừ không quân. Nhưng đến thời điểm đó những người Nam Việt Nam cũng hầu như chẳng còn sức mạnh không quân nào.

Thanh Tùng //  
<http://dantri.com.vn>

## QUYẾT TỬ GIỮ CẦU RẠCH CHIẾC

Cầu Rạch Chiếc là một trong ba cây cầu huyết mạch ở hướng Đông dẫn vào Sài Gòn. Những ngày tháng Tư lịch sử này, chúng tôi được nghe Đại tá, Anh hùng LLVT Nguyễn Văn Tàu (tức Tư Cang), nguyên Chính ủy Lữ đoàn 316 đặc công biệt động kể lại những ngày ác liệt của 38 năm về trước, khi đơn vị chiến đấu giữ cầu. 23 giờ ngày 26-4-1975, các bộ phận của đơn vị vào vị trí để chuẩn bị đánh chiếm cầu Rạch Chiếc. Đến 3 giờ sáng 27-4, bộ đội ta bắt đầu tấn công địch. Trận đánh diễn ra thuận lợi, lực lượng của ta không bị thương vong, nhưng việc giữ cầu không thuận lợi, phải đến lần thứ hai tấn công, bộ đội ta mới giữ được cầu.

Sáng 27-4-1975, địch kết hợp bộ binh, xe tăng, tàu chiến và máy bay trực thăng phản kích chiếm lại cầu. Chúng có hơn 2000 tên trang bị vũ khí mạnh, trong khi lực lượng đặc công của ta chỉ hơn 100 đồng chí. Cứ mỗi lần tấn công không thành chúng lại lùi ra dùng pháo binh và trực thăng bắn phá dữ dội vào

các vị trí chốt giữ của ta; đến 12 giờ ngày 27-4, bộ đội ta phải vượt qua sông rộng, lui về ém quân.



**Đại tá, Anh hùng LLVT Nguyễn Văn Tàu kể lại những ngày ác liệt giữ cầu Rạch Chiếc.**

Đại tá Nguyễn Văn Tàu bồi hồi nhớ lại: “Trong trận đánh quyết tử này, 52 cán bộ, chiến sỹ đã hy sinh. Có những đồng chí chấp nhận hy sinh để anh em được bảo toàn lực lượng, như đồng chí Nguyễn Văn Thất ở lại đầu cầu chặn đường truy đuổi của địch, một mình đánh đến khi hết đạn, địch bắt được và chặt anh làm đôi ném xác xuống bãi cỏ,

hay chiến sĩ liên lạc Võ Văn Tần, dù bị gãy chân vẫn dùng lựu đạn quyết tử với giặc, diệt 5 tên. Khi bị bắt, bị tra tấn dã man, đồng chí vẫn không khai một lời. Anh em trong đơn vị đều quyết tâm chiến đấu giữ được cầu Rạch Chiếc, xứng đáng với sự hy sinh của đồng đội”.



**Đồng chí Nguyễn Đức Thọ nổ phát súng B40 đầu tiên khai màn tấn công chiếm 2 đầu cầu Rạch Chiếc**

Đến tối 29-4, đơn vị được lệnh tiếp tục đánh chiếm cầu Rạch Chiếc, không cho địch phá để đón các cánh quân từ hướng Đông vào Sài Gòn. Các chiến sĩ còn lại của Z22, Z23 (thuộc Lữ đoàn

316) nhanh chóng chuẩn bị cho trận đánh. Đúng 5 giờ sáng 30-4, đơn vị nổ súng chiếm cầu. Lúc này, quân địch thất trận từ Xuân Lộc và Long Thành (Đồng Nai), dồn về đây rất đông, nhưng tinh thần của chúng vô cùng hoang mang, nên khi ta nổ súng chúng chỉ chống trả yếu ớt rồi vứt bỏ vũ khí tháo chạy tán loạn. Từ lúc này, cầu Rạch Chiếc được đơn vị giữ vững. Đến 9 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, xe tăng của Lữ đoàn 203 quân giải phóng qua cầu, thọc sâu vào thành phố, tiến về Dinh Độc lập, giải phóng Sài Gòn.

Ngày nay, cầu Rạch Chiếc vẫn đang có vai trò rất quan trọng, nối các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, miền Trung... với TP Hồ Chí Minh. Cầu đã được xây mới, rộng, đẹp đáp ứng nhu cầu giao thông. Nơi đây còn mãi khắc chiến công anh dũng của những chiến sĩ đặc công Lữ đoàn 316 trong trận đấu quyết tử trước cửa ngõ Sài Gòn năm xưa.

**Lê Hùng Khoa //**  
<http://www.qdnd.vn/>

## **NHỮNG HIỆN VẬT GẮN LIỀN VỚI NGÀY 30 THÁNG 4 LỊCH SỬ**

**Đ**ến với Bảo tàng Lịch sử Quân đội Việt Nam đúng vào ngày 30.4 chúng ta không khỏi xúc động về một thời khắc lịch sử thiêng liêng, về một chiến thắng vĩ đại của dân tộc Việt Nam - đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Chiến tranh đã đi qua, nhưng tinh thần dũng cảm của quân và dân ta vẫn còn sáng mãi. Trong gian trưng bày,

nhiều hiện vật gắn với đại thắng Mùa xuân 1975. Mỗi hiện vật đều mang một ý nghĩa riêng về ngày toàn thắng. Mỗi hiện vật là một dấu ấn của mỗi bậc cha anh đã chiến đấu quên mình vì độc lập dân tộc.

Bên cạnh không gian trưng bày các hiện vật, còn có những bức ảnh gây xúc động lòng người về tinh thần chiến đấu của quân ta, về niềm hạnh phúc dâng trào khi dành độc lập và cả những giọt

nước mắt hạnh phúc của người mẹ già được gặp lại con sau chiến tranh...

Chúng ta cùng trở về với lịch sử của đại thắng Mùa Xuân năm 1975 thông qua những hiện vật và bức tranh được trưng bày tại bảo tàng:



**Xe tăng T54B số hiệu 843 do Trung úy - Đại đội trưởng Bùi Quang Thận chỉ huy dẫn đầu đội hình thọc sâu của Quân đoàn 2 đánh chiếm Dinh Độc Lập ngày 30.4.1975 Ảnh: Hà An**



- **Mũ tai bèo: Đại úy Lê Mã Lương - AHLLVTND, Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn 24, Sư đoàn 304 dùng trong trận đánh trường bộ binh của ngụy Căn cứ Nước Trong ngày 28.4.1975**
- **Dao găm: Đồng chí Trần Đức Trình, Sư đoàn 304 dùng cắt dây cờ ngụy để đồng đội treo cờ cách mạng lên Dinh Độc Lập, ngày 30.4.1975.**
- **Bi đống của đồng chí Nguyễn Ân sư đoàn trưởng Sư đoàn bộ binh 304 sử dụng chỉ**

**huy sư đoàn đánh chiếm Căn cứ Nước trong từ ngày 26-28.4.1975**



**Xe tăng 888 thuộc Sư đoàn 2 Quân Khu 5 tiêu diệt tàu địch tháo chạy khỏi Khu Liên hợp quân sự Bán đảo Sơn Trà ngày 29.3.1975**



**Từ hướng Bắc, quân giải phóng theo đường số 1 tiến vào giải phóng Đà Nẵng ngày 29.3.1975**



**Chiếc loa do đồng chí Trương Tấn Sỹ, chính trị viên huyện đội Phú Quốc gắn trên xe Zeeep cùng nhân dân tiến vào giải phóng thị trấn Dương Đông ngày 30.4.1975 Ảnh: Hà An**



**Súng cối 60MM do Đại đội 11 tiểu đoàn 9, Trung đoàn 66, Sư đoàn 10 sử dụng tiêu diệt 55 tên địch ở sân bay Ngã Sáu**  
Ảnh: Hà An



**Súng tiểu liên AK do đồng chí Nguyễn Tiến Lại - AHLLVTND, Đại đội trưởng đại đội 6 Trung đoàn 18, sư đoàn 325 diệt 101 tên địch chỉ huy đơn vị đánh chiếm điểm cao 250 Phú Lộc, Lăng Cô, Sơn Trà (từ ngày 21-29.3.1975)**

Hà An // <http://daibieunhandan.vn>

## **TRẬN TỬ CHIẾN NGOÀI THÀNH SÀI GÒN TRONG KỶ ỨC MỘT DŨNG SĨ DIỆT MỸ 18 TUỔI**

**Đ**ó là anh hùng LLVTND, Trung tướng Đoàn Sinh Hường, nguyên Tư lệnh Quân khu 4. Ông trở thành dũng sĩ diệt Mỹ năm 18 tuổi, và năm 26 tuổi đã được phong tặng danh hiệu anh hùng.

Đời binh nghiệp, ông có nhiều khoảnh khắc sinh tử đáng nhớ, nhưng kỷ ức về trận đánh tiến vào Sài Gòn giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước 41 năm về trước, là trận tử chiến đáng nhớ hơn cả.

Đoàn Sinh Hường, quê gốc ở Móng Cái (Quảng Ninh), nhưng dấu ấn binh nghiệp của ông lại là khúc ruột miền Trung nắng gió. Trở về đời thường sau 42 năm cống hiến trong quân ngũ, ông cũng chọn thành Vinh làm chốn dừng chân, ngày ngày trở thành “người

làm vườn” mẫn cán trong khuôn viên cây xanh, cây cảnh rộng gần 2.000m<sup>2</sup> ở xã Nghi Ân.



**Trung tướng Đoàn Sinh Hường vẫn miệt mài với Quý “Mãi mãi tuổi 20” dù đã nghỉ hưu.**

Nhắc đến Trung tướng Đoàn Sinh Hường, nhiều người thời hậu chiến thường nghĩ ngay đến một vị tướng

“thét ra lửa”, và một quân nhân mê bóng đá hơn bất cứ thứ đam mê nào khác trên đời.

### **Ngày thống nhất đất nước trong ký ức vị tướng già**

Trở lại với câu chuyện binh nghiệp của Tướng Đoàn Sinh Hưởng, ông cho rằng, kể chuyện chiến tranh, với những lần đối diện giữa lần ranh sinh tử, nhiều vô thiên lủng.

Tuy nhiên, nhiều cảm xúc nhất vẫn là trận đánh gần như cuối cùng trong cuộc đời binh nghiệp, là trận đánh thần tốc, táo bạo từ mặt trận Tây Nguyên thốc thẳng vào cửa ngõ Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước trong ngày 30/4/1975.

Trung tướng Đoàn Sinh Hưởng tự hào cho biết, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ông là một trong những chiến sỹ may mắn được tham gia ngay từ khi bắt đầu đến ngày đại thắng, cũng là một trong những chiến sỹ đã đặt chân đến Sài Gòn trong ngày rực rỡ cờ hoa năm đó.

Đoàn Sinh Hưởng nhập ngũ năm 1966, khi vừa tròn 17 tuổi, được phân chế về Đại đội 9, Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn 273, Quân đoàn 3. Chiến dịch đầu tiên trong đời lính của ông là chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh, trận chiến vẫn được mệnh danh là "Điện Biên Phủ thứ hai" của Việt Nam. Sau chiến dịch Đường 9-Nam Lào, ông là Đại đội trưởng xe tăng, thuộc Binh chủng tăng thiết giáp, được điều động vào chiến trường Tây Nguyên, bắt đầu mở màn chiến dịch Tây Nguyên.

Vị tướng già cho biết, ông đã chỉ huy Đại đội 9 cùng với bộ binh Sư đoàn 10 đánh tiêu diệt cụm cứ điểm Đắk-pét. Đoàn Sinh Hưởng chỉ huy chiếc xe tăng

980, đánh thẳng giòn giã từ trận này đến trận khác, “dẹp đường” cho chiến dịch tổng tiến công Sài Gòn.

“Trong trận đánh Buôn Mê Thuột chúng tôi được lệnh đánh thọc thẳng vào vào Sư đoàn 23, cơ quan đầu não ở Tây Nguyên của địch. Đại đội 9, do tôi chỉ huy cùng với Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 21, Sư đoàn 10 đã cầm cờ chiến thắng ở Bộ chỉ huy Sư bộ 23 ngày. Tiếp đó, đơn vị tiếp tục phát triển đánh thẳng ngã 5 và ngã 6 Buôn Mê Thuột và cùng các cánh quân giải phóng toàn bộ thị xã Buôn Mê Thuột, phối thuộc với Sư đoàn 320 đánh chiếm thị xã Cheo Reo-Phú Bổn rồi thừa thắng đánh vào Tuy Hòa, đi theo đường chiến lược vòng về phía tây Sài Gòn để tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử”, Trung tướng Đoàn Sinh Hưởng nhớ lại.

Trong thời khắc lịch sử gấp gáp ấy, Đại đội 9 được lệnh đánh đuổi địch theo tuyến đường 7, tạo thành mũi tấn công chủ đạo thọc sâu vào căn cứ của chính quyền Ngụy quân ngụy quyền Sài Gòn.

Nhiệm vụ đầu tiên là đánh chiếm cứ điểm ở khu vực cầu An Hạ, giáp ranh giữa hai huyện Hóc Môn và Củ Chi, nằm trên Quốc lộ 22 (đường xuyên Á) ngày nay. Sáng ngày 29/4/1975, 4 chiếc xe tăng tiến đánh chiếm được vị trí cầu An Hạ thì đụng độ ngay một Thiết đoàn gồm 24 chiếc tăng của địch.

Ngay lập tức, sáng kiến “lấy xe tăng địch để đánh địch” đã được thực hiện và sau trận đánh chớp nhoáng, Đại đội 9 đã khiến địch phải bỏ chạy tán loạn, vớt lại 12 chiếc xe tăng còn sử dụng được để bổ sung vào đội hình của ta.

Tiếp đà chiến thắng, Đại đội 9 đánh tiếp vào Thành Quan Năm (Củ Chi), đánh thẳng vào trại Quang Trung, đánh

vào ngã tư Bà Hiền, Đánh ngược về sân bay Tân Sơn Nhất, kết thúc bằng trận đánh vào Bộ tổng tham mưu của Ngụy quân Ngụy quyền Sài Gòn.



**Trung tướng Đoàn Sinh Hưởng thăm tặng quà cho đồng đội của mình.**

11 giờ ngày 29/4, đoàn xe của Đại đội 9 do Đoàn Sinh Hưởng chỉ huy đã vượt qua ngã 3 Bà Quẹo, cách ngã 4 Bảy Hiền khoảng 3 cây số. Đến trưa ngày 30/4, cùng với các đơn vị bộ binh và các đơn vị xe tăng của Sư đoàn 273 tung hoành ngang dọc đánh sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu.

11 giờ 30 phút cùng ngày, Đại đội 9, lực lượng bộ binh Sư đoàn 10, xe tăng Đại đội 5, Lữ đoàn 273 cùng các đơn vị chiếm được toàn bộ trụ sở tòa nhà Bộ Tổng tham mưu.

Cùng thời điểm, các cánh quân khác cũng đã chiếm được Dinh Độc Lập và các mục tiêu quan trọng ở Sài Gòn. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam hoàn toàn giải phóng.

“Được sống và chiến đấu để chứng kiến thời khắc thiêng liêng của dân tộc, không một người lính nào không vui mừng hạnh phúc, lâng lâng trong trạng thái khóc cười như đứa trẻ lâu ngày được ủa vào lòng mẹ”, vị tướng già

bằng khuôn nhớ lại cảm xúc ngày xưa cũ.

Tướng Hưởng cũng tiết lộ rằng, trong thời khắc độc lập xúc động ấy, nhìn thấy cảnh đoàn viên, những nụ cười, nước mắt hạnh phúc sau bao ngày xa cách của những người vợ, người mẹ và đứa con lâu ngày tái hợp, ông đã nghĩ về gia đình, nghĩ về hậu phương và nảy ra ý định ra quân để về với thương yêu đang đón đợi.

### **Dấu nổi hai thế hệ**

Thế nhưng, bất ngờ xảy ra là tối ngày 12/9/1975, ông nghe chương trình thời sự, nghe tin Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng ký quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND cho 59 đơn vị và 6 cá nhân, trong đó có tên Đoàn Sinh Hưởng.



**Bìa cuốn hồi ký ghi lại những ký ức thời hoa lửa của Trung tướng Đoàn Sinh Hưởng.**

Cuối năm đó, tại tỉnh Sông Bé (cũ), Bình Dương và Bình Phước ngày nay, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 đã tổ chức đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVTND cho những tập thể, cá nhân.

“Đón nhận tấm huy hiệu Anh hùng lên ngực áo, tôi bồi hồi xúc động nhớ về những đồng chí, đồng đội đã ngã xuống nên đã có tâm niệm, mình phải phấn đấu nhiều hơn nữa để xứng đáng với sự hy sinh của các đồng chí đã ngã xuống. Do vậy, ý định ra quân cũng tan biến. Sau khi đi học ở Liên Xô trở về, tôi làm Lữ đoàn trưởng rồi Sư đoàn trưởng. Và năm 41 tuổi, tôi làm Tư lệnh Binh chủng Tăng thiết giáp, sau đó về làm Tư lệnh Quân khu 4 cho đến khi về hưu vào năm 2008”, Trung tướng chia sẻ.

Gần 10 năm “gác kiếm” binh nghiệp, nhưng Trung tướng Đoàn Sinh Hường chưa một ngày ngơi nghỉ, ông hiện tại là Chủ tịch Quỹ “Mãi mãi tuổi 20”, trong suốt 10 năm qua, ông đã cùng với các thành viên của quỹ này đã đến với nhiều miền đất, nhiều hoàn cảnh, số phận khác nhau.

Không chỉ tổ chức các cuộc giao lưu với tuổi trẻ các tỉnh, thành phố, trao

học bổng cho các cháu học sinh, thăm tặng quà cho các gia đình chính sách mà quan trọng hơn, “Mãi mãi tuổi 20” đã thấp và làm bùng cháy ngọn lửa nhiệt huyết một thời tuổi trẻ trong mỗi con người. Góp phần vào phong trào “Tiếp lửa truyền thống”.

Ngoài việc tổ chức các hoạt động tri ân, “Mãi mãi tuổi 20” còn tổ chức biên tập, biên soạn những cuốn sách, tập hợp những bài thơ, bản nhạc, bài hát, ký họa, hồi ký của các cựu chiến binh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và chống Pháp. Ông bảo, cùng với việc trở thành “lão làm vườn” mẫn cán thì đây là hành trình tri ân, thăm hỏi những đồng đội, đồng chí với công việc thời hậu chiến, nên phần việc nào rất tâm huyết và đam mê.

**Nguyễn Duy - Hà Thành /  
Báo Dân trí**

## **PHÁT HUY TINH THẦN ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975 TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG BÌNH THUẬN GIÀU ĐẸP, VĂN MINH**

Những ngày này, với niềm phấn khởi và tự hào, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiến hành nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa chào mừng sự kiện 42 năm Ngày giải phóng Bình Thuận (19/4/1975 - 19/4/2017), đồng thời cũng là ngày mà Bình Thuận tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2017 với sự tham gia của Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và hàng trăm nhà đầu tư trong và ngoài nước, đánh dấu bước khởi đầu, chuyển mình mạnh mẽ của Bình Thuận trong tương lai.

Trong những ngày tháng tư hào hùng cách đây 42 năm, với khí thế cách mạng “long trời, lở đất” được mở đầu bằng cuộc tấn công mau lẹ, chớp nhoáng và giành thắng lợi hết sức ngoạn mục tại Buôn Ma Thuột của quân và dân ta đã mở màn cho cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975. Tranh thủ thời cơ, với tinh thần chủ động tự giải phóng quê hương, đêm mừng 7 rạng sáng mừng 8/4/1975 các lực lượng vũ trang của tỉnh đã đánh vào chi khu Thiện Giáo giải phóng hoàn toàn quận lỵ này, một cứ điểm mà địch đã dày công xây



dựng để bảo vệ đầu não của chúng ở Phan Thiết.

Sáng ngày 14/4 quân và dân các huyện phía Bắc tỉnh phối hợp với đại quân chủ động nổi dậy và tấn công giải phóng Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý, Hải Ninh. Tối 18/4, Lữ đoàn 203 Quân đoàn 2 và lực lượng tại chỗ đã vượt cầu Phú Long tiến vào Phan Thiết và đến ngày 19/4/1975 quân ta đã làm chủ hoàn toàn tỉnh lỵ Phan Thiết. Cùng thời gian trên, quân dân Bình Tuy cũng nhất loạt chủ động tấn công địch, đến ngày 23/4 tỉnh Bình Tuy hoàn toàn được giải phóng...

Trải qua nhiều ngày đêm chiến đấu anh dũng, liên tục tiến công và nổi dậy, quân và dân Bình Thuận đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử vẻ vang giải phóng quê hương, góp phần cùng quân dân cả nước làm nên mùa xuân đại thắng và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử kết thúc cuộc trường chinh hơn 20 năm chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai bán nước. Bình Thuận xứng đáng với 12 chữ vàng: “Tự lực tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang”. Đóng góp vào chiến thắng của các cuộc kháng chiến giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta tự hào và trân trọng biết ơn sự hy sinh dũng cảm, những cống hiến lớn lao của các tầng lớp nhân dân tỉnh nhà, với hơn 49 nghìn người có công với cách mạng, trong đó hơn 7,51 nghìn thương binh - bệnh binh, trên 12,79 nghìn liệt sĩ; 1.842 Bà mẹ Việt Nam anh hùng... đã cống hiến cuộc đời và xương máu của mình, góp phần cùng với nhân dân cả nước hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa nước ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của độc lập, thống nhất, cùng nhau xây dựng một nước Việt Nam XHCN - dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Phát huy truyền thống cách mạng kiên cường bất khuất, tự lực tự cường của quê hương, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Bình Thuận đã đồng tâm nhất trí, năng động, sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, phấn đấu với quyết tâm cao, gặt hái được nhiều thành tựu quan trọng. Khối đại đoàn kết toàn dân tiếp tục được củng cố, phát huy. Sự nghiệp đổi mới tiếp tục được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực. Chính trị xã hội ổn định. Kinh tế tiếp tục phát triển với tốc độ cao, GDP bình quân hàng năm tăng 7,5%; GDP bình quân đầu người năm 2016 đạt 1.800 USD, tăng hơn 13 lần so với khi tái lập tỉnh. Từ một tỉnh thuần nông, Bình Thuận đã chuyển dịch nhanh nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm trên 80% trong cơ cấu GDP. Bình Thuận tự hào và đang từng bước xây dựng và hình thành 3 trung tâm lớn của cả nước là năng lượng, chế biến quặng titan và du lịch thể thao biển và trở thành một cực phát triển mới, khẳng định vị thế mới ở vùng cực Nam Trung bộ.

Kỷ niệm 42 năm Ngày giải phóng Bình Thuận và giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, là dịp chúng ta nhìn nhận lại những thành quả và bài học kinh nghiệm về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng quốc phòng an ninh và đối ngoại của Bình Thuận trong thời kỳ đổi mới. Chặng đường phía trước vẫn còn nhiều khó khăn, trở ngại, nhưng với những gì đã làm được, tin tưởng với tinh thần “tự lực tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang” chúng ta sẽ vượt khó thành công, tiếp tục phát huy mạnh mẽ lợi thế, nguồn lực bên trong lẫn bên ngoài để vươn tới tầm cao mới, vững bước trên con đường phát triển, xây dựng quê hương Bình Thuận ngày càng giàu đẹp, văn minh.

**Báo Bình Thuận**